

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC
BỘ MÔN: TOÁN THPT
Năm học: 2021 – 2022

- Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (QĐ 16);
 - Căn cứ công văn 5842/ BGDĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông (CV 5842);
 - Căn cứ công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT (CV 3280);
 - Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo;
 - Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; *(Theo lộ trình từ năm học 2022-2023 trở đi với lớp 10)*;
 - Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Ngãi;
 - Căn cứ công văn số 1092/SGDĐT-GDTrH ngày 12/7/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi triển khai thực hiện chương trình giáo dục năm học 2021-2022 (Cv 1092)
 - Căn cứ công văn số 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16/09/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT môn toán.
 - Căn cứ công văn số 1427/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi triển khai thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022 và tổ chức dạy học để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 đối với học sinh phổ thông và GDTX.
 - Căn cứ điều kiện thực tế về công tác giáo dục, học sinh của trường THPT Quang Trung trong năm học 2021-2022;
- Được sự chỉ đạo của Nhà trường, nhóm bộ môn Toán gồm Thống nhất xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn Toán năm học 2021-2022 như sau:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC
MÔN: TOÁN LỚP 10

Cả năm: 105 tiết	Đại số 63 tiết	Hình học 42 tiết
Học kì I: 18 tuần 54tiết	32tiết 14 tuần đầu x 2tiết = 28 tiết 4 tuần cuối x 1tiết = 4 tiết	22 tiết 14 tuần đầu x 1 tiết = 14 tiết 4 tuần cuối x 2 tiết = 8 tiết
Học kì II: 17 tuần 51 tiết	31 tiết 3 tuần đầu x 1 tiết = 3 tiết 14 tuần cuối x 2 tiết = 28 tiết	20 tiết 3 tuần đầu x 2 tiết = 6 tiết 14tuần cuối x 1 tiết = 14 tiết

ĐẠI SỐ

Tuần	Tiết	Chương	Bài/chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt (theo chương trình môn học)	Thời lượng (số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
1	1	Chương I. Mệnh đề - tập hợp (Tổng số tiết: 9)	Bài 1: Mệnh đề	I. Mệnh đề. Mệnh đề chứa biến. II. Phủ định của mệnh đề III. Mệnh đề kéo theo. IV. Mệnh đề đảo – Hai mệnh đề tương đương. V. Kí hiệu \forall và \exists	1. Kiến thức: - Biết thế nào là một mệnh đề, mệnh đề phủ định, mệnh đề chứa biến. - Biết được mệnh đề kéo theo, mệnh đề tương đương. - Phân biệt được điều kiện cần và điều kiện đủ. 2. Kỹ năng: - Biết lấy ví dụ mệnh đề, mệnh đề kéo theo, mệnh đề tương đương, phủ định một mệnh đề	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	HĐ 1;4;8;9;10; 11 Tự học có hướng dẫn
	2			Bài tập	1. Kiến thức: - củng cố các khái niệm: mệnh đề, mệnh đề phủ định, mệnh đề kéo theo, hai mệnh đề tương đương. 2. Kỹ năng: - Biết cách xét tính Đ-S của một mệnh đề, lập mệnh đề phủ định.			Bài tập cần làm (trang 9-10) : 1,2,3,4,5

					<ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng các điều kiện cần, đủ, cần và đủ. - Biết sử dụng các kí hiệu \forall, \exists. 					
2	3	<p><i>Ghép 3 bài Tập hợp - Phép toán tập hợp - tập hợp số.</i></p>	<p>I. Tập hợp. 1. Tập hợp (Tập hợp, phần tử của tập hợp, tập rỗng) 2. Cách xác định tập hợp. 3. Tập hợp con, tập hợp bằng nhau.</p>	<p>1. Kiến thức. - Biết các khái niệm tập hợp, phần tử, tập con, hai tập hợp bằng nhau. - Hiểu được các phép toán giao của hai tập hợp, hợp của hai tập hợp, phần bù của một tập con. - Nắm vững khái niệm khoảng, đoạn, nửa khoảng. 2. Kỹ năng. - Biết cách diễn đạt các khái niệm bằng ngôn ngữ mệnh đề. - Biết cách xác định một tập hợp bằng cách liệt kê các phần tử hoặc chỉ ra tính chất đặc trưng. - Sử dụng đúng các ký hiệu: $A \cup B, A \cap B, A \setminus B,$ - Thực hiện được các phép toán lấy giao của hai tập hợp, hợp của hai tập hợp, hiệu của hai tập hợp, phần bù của một tập con. - Biết dùng biểu đồ Ven để biểu diễn giao của hai tập hợp, hợp của hai tập hợp - Tìm được hợp, giao, hiệu của các khoảng, đoạn và biểu diễn chúng trên trục số.</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm 	<p>Bài tập cần làm (trang 13): 1,2,3</p>			
	4		<p>II. Phép toán tập hợp 1. Hợp của hai tập hợp. 2. Giao của hai tập hợp. 3. Hiệu của hai tập hợp</p>	<p>Bài tập cần làm (trang 15): 1,2,4</p>						
3	5		<p>III. Tập hợp số 1. Giới thiệu các tập $N; Z; Q; R$ 2. Những tập con của tập R (khoảng, đoạn,...) Chú trọng dạy các khái niệm (định nghĩa) và cho ví dụ minh họa.</p>	<p>Bài tập</p>			<p>Bài tập cần làm (trang 18): 1,2,3.</p>			
	6									
4	7		<p><i>Bài 5: Số gần đúng – Sai số</i></p>	<p>I. Số gần đúng. II. sai số tuyệt đối. III. Quy tròn số gần đúng</p>			<p>1. Kiến thức: Nhận thức được tầm quan trọng của số gần đúng, ý nghĩa của số gần đúng. Nắm được thế nào là sai số tuyệt đối, thế nào là sai số tương đối, độ chính xác của số gần đúng. 2. Kỹ năng : Biết tính các sai số, biết cách quy tròn.</p>	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với 	<p>Mục I, II, Tự học có hướng dẫn Mục III. Chú trọng Giới thiệu Độ chính xác của một số gần đúng, quy tắc làm tròn số và cho ví dụ minh họa.</p>

						hoạt động nhóm	Các nội dung còn lại HS tự học có hướng dẫn Bài tập 4;5 không yêu cầu HS làm .Bài tập cần làm (trang 23): 2, 3a,
	8		Lý thuyết ôn và Bài tập	1. kiến thức: - Nhắc lại được các kiến thức của chương. 2. kỹ năng: - Giải được các dạng bài tập của chương		- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.	Bài tập 13,16 không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 24-26): 10, 11, 12, 14
5	9	Ôn tập chương.	Lý thuyết ôn và Bài tập	- Bổ sung bài tập tự luận và trắc nghiệm cho phù hợp với nội dung kiểm tra đánh giá.	2	- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	
	10		I. Ôn tập về hàm số. II. sự biến thiên của hàm số. III. Tính chẵn lẻ của hàm số.	1. Kiến thức - Nắm được khái niệm cơ bản về hàm số, tập xác định của hàm số và đồ thị hàm số. - Biết được khái niệm hàm số, tập xác định, đồ thị của hàm số. - Biết được tính chất hàm số đồng biến, nghịch biến, hàm số chẵn, lẻ. - Biết được tính chất đối xứng của đồ thị hàm số chẵn, lẻ.		- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục I và mục II.1. Tự học có hướng dẫn Các nội dung còn lại Chú trọng dạy các khái niệm (định nghĩa) và cho ví dụ minh họa. Bài tập cần làm (trang 38-39): 1a, 1c, 2,3,4.
6	11	Chương II. HÀM SỐ BẬC NHẤT VÀ BẬC HAI (Tổng số tiết: 8)	Bài 1: Hàm số.	2. Kỹ năng : Biết lấy ví dụ về hàm số và xác định các dạng hàm số. - Tìm tập xác định và vẽ đồ thị của hàm số đơn giản.	2		
	12		Bài 2: Hàm số $y=ax+b$	1. Kiến thức: - Biết được sự biến thiên và đồ thị của hàm số bậc nhất. - Biết được cách vẽ đồ thị hàm số bậc nhất và hàm số $y = x $.	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.	Mục I và mục II. Tự học có hướng dẫn

				<ul style="list-style-type: none"> - Biết được đồ thị hàm số $y = x$ nhận trục Oy làm trục đối xứng. 2. Kỹ năng: - Biết được xác định chiều biến thiên và vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất. - Vẽ được đồ thị hàm số $y = b, y = x$ - Biết tìm tọa độ giao điểm của hai đường thẳng có phương trình cho trước. 		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm 	
7	13	Bài 3: Hàm số bậc hai	I. Đồ thị của hàm số bậc hai.	1. Kiến thức: Hiểu được sự biến thiên của hàm số bậc hai trên R 2. Kỹ năng: - Lập được bảng biến thiên của hàm số bậc hai, xác định tọa độ đỉnh, trục đối xứng, vẽ được đồ thị hàm số bậc hai. <ul style="list-style-type: none"> - Đọc được đồ thị của hàm số bậc hai, từ đồ thị xác định được: trục đối xứng, các giá trị x để $y > 0, y < 0$. - Tìm được phương trình parabol $y = ax^2 + bx + c$ khi biết một trong các hệ số và biết đồ thị đi qua hai điểm cho trước 	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm 	Mục I.1 Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 49 - 50): 1a, 1b, 2a, 2b, 3, 4.
	14		II. Chiều biến thiên của hàm số bậc hai. Bài tập				
	15		Bài tập				
8	16	Ôn tập chương II	Kiến thức của chương 2.	1. Kiến thức: - Nắm được các kiến thức về hàm số, hàm số bậc hai. 2. Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp các kỹ năng các chủ đề trong chương II 	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm. 	Bài tập 15 tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 50 - 51): 8a, 8c, 9c, 9d, 10, 11, 12.
9	17	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Giao hợp hiệu của hai tập hợp. - Tìm TXĐ của hàm số. - BBT và đồ thị của hàm số bậc nhất. - BBT và đồ thị của hàm số bậc hai. 	Thông qua bài làm của HS: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. 	1		Trắc nghiệm và Tự luận

				- Vectơ và hệ trục tọa độ.	- Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS.			
	18	Chương III. PHƯƠNG TRÌNH VÀ HỆ PHƯƠNG TRÌNH (Tổng số tiết: 10)	Bài 1: Đại cương về phương trình.	I. Khái niệm về phương trình 1. Phương trình một ẩn. 2. Điều kiện của một phương trình. 3. Phương trình nhiều ẩn. 4. Phương trình chứa tham số.	1. Kiến thức: - Hiểu khái niệm phương trình, nghiệm của phương trình. - Hiểu định nghĩa hai phương trình tương đương và các phép biến đổi tương đương. - Biết khái niệm phương trình hệ quả.	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục I. 3 và HĐ 4. Tự học có hướng dẫn Các nội dung còn lại Chú trọng dạy các khái niệm (định nghĩa) và cho ví dụ minh họa. Bài tập cần làm (trang 57): 3, 4
10	19			II. Phương trình tương đương và phương trình hệ quả. 1. Phương trình tương đương 2. Phép biến đổi tương đương 3. Phương trình hệ quả	2. Kỹ năng: - Nhận biết một số cho trước là nghiệm của phương trình đã cho, nhận biết được hai phương trình tương đương. - Nêu được điều kiện xác định của phương trình. - Biết biến đổi phương trình tương đương			
	20			Bài tập				
	21		Bài 2: Phương trình quy về bậc nhất, bậc hai, phương trình chứa ẩn dưới dấu căn	I. Ôn tập về phương trình bậc nhất, bậc hai. II. phương trình quy về phương trình bậc nhất, bậc hai.	1. Kiến thức: - Hiểu cách giải và biện luận các pt $ax + b = 0$, $ax^2 + bx + c = 0$. - Biết cách giải các pt quy về dạng bậc nhất, bậc hai, pt chứa ẩn ở mẫu, pt có chứa dấu GTTĐ, pt chứa căn đơn giản, pt tích. 2. Kỹ năng: Giải và biện luận thành thạo các pt $ax + b = 0$, $ax^2 + bx + c = 0$. - Giải được các pt quy về bậc nhất, bậc hai. - Biết giải pt bậc hai bằng MTBT	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục I và mục II.1. Tự học có hướng dẫn Bài tập 5 không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 62 - 63): 3, 4, 7,8
11	22	Bài tập	1. Kiến thức: - Củng cố cách giải và biện luận phương trình $ax+b=0$, phương trình $ax^2+bx+c=0$. - Củng cố cách giải các dạng phương trình quy về phương trình bậc nhất, bậc hai. 2. Kỹ năng: - Thành thạo việc giải và biện luận các phương trình $ax + b = 0$, $ax^2 + bx + c = 0$.					
	23	Bài tập						

					- Nắm vững cách giải các dạng phương trình chứa ẩn ở mẫu, chứa GTĐ, chứa căn thức.....			
	24		Bài 3: Phương trình và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. II. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn		1. Kiến thức: - Nắm vững khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ phương trình bậc nhất hai ẩn và tập nghiệm của chúng. - Hiểu rõ phương pháp cộng đại số và phương pháp thế. 2. Kỹ năng: - Giải được và biểu diễn được tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn. - Giải thành thạo hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp cộng và phương pháp thế. - Biết dùng MTBT để giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. - Giải được hệ bậc nhất ba ẩn đơn giản.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục I Tự học có hướng dẫn Bài tập 1,2,3,7 không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 68): 4,5,6
13	25		Bài tập		1. Kiến thức: - Củng cố cách giải phương trình, hệ phương trình bậc nhất nhiều ẩn. 2. Kỹ năng: - Sử dụng MTBT thành thạo để giải phương trình bậc hai,ba, hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn.			
	26		Bài tập		1. Kiến thức - Củng cố các khái niệm đkxđ, pt tương đương, pt hệ quả, hệ hai pt bậc nhất hai ẩn. - Nắm vững cách giải phương trình qui về phương trình bậc nhất, bậc hai. - Nắm được cách giải hệ pt bậc nhất hai ẩn.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Bài tập 5 ,6,10,16 không yêu cầu HS làm
14	27		Ôn tập chương III.	Bài tập	2.Kỹ năng - Giải thành thạo PT qui về phương trình bậc nhất, bậc hai. - Biết vận dụng định lý Viet để giải toán. - Giải thành thạo hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.			
	28	Chương IV. BÁT	Bài 1: Bất đẳng thức.		1. Kiến thức. - Biết được định nghĩa của bất đẳng thức, bất đẳng thức hệ quả, bất	2		

		ĐẲNG THỨC. BẤT PHƯƠNG TRÌNH (Tổng số tiết: 21)		I. Ôn tập bất đẳng thức.	đẳng thức tương đương, các tính chất của bất đẳng thức. 2. Kỹ năng. - Nhận biết được bất đẳng thức, bất đẳng thức hệ quả, bất đẳng thức tương đương. - Biết chứng minh được bất đẳng thức hệ quả, bất đẳng thức tương đương. - Lấy các ví dụ áp dụng các tính chất của bất đẳng thức.		- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục I. HĐ 2, 4, 5, 6 tự học có hướng dẫn
15	29		Bài 1: Bất đẳng thức.	II. Bất đẳng thức giữa trung bình cộng và trung bình nhân. (BẤT ĐẲNG THỨC CÔ – SI) III. Bất đẳng thức chứa dấu giá trị tuyệt đối.	1. Kiến thức. - Hiểu bất đẳng thức giữa trung bình cộng và trung bình nhân của hai số. - Biết được một số bất đẳng thức có chứa giá trị tuyệt đối 2. Kỹ năng .- Biết vận dụng bất đẳng thức Côsi vào việc chứng minh một số bất đẳng thức hoặc tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của một biểu thức đơn giản. - Biết chứng minh bất đẳng thức chứa dấu giá trị tuyệt đối. - Thấy được ý nghĩa hình học của các hệ quả của bất đẳng thức Cô – si. - Rèn luyện tính cẩn thận và sự logic trong chứng minh các bất đẳng thức.			
16	30		Bài 2: Bất phương trình và hệ bất phương trình một ẩn.	I. Khái niệm bất phương trình 1. khái niệm bất phương trình một ẩn 2. Điều kiện xác định của bất phương trình 3. Tìm hiểu bất phương trình chứa tham số II. Hệ bất phương trình một ẩn.	1. Kiến thức: - Biết được các khái niệm về BPT, hệ BPT một ẩn; nghiệm và tập nghiệm của BPT, hệ BPT; điều kiện của BPT; giải BPT. - biết được các phép biến đổi tương đương. 2. Kỹ năng: Giải được các BPT đơn giản. - Biết cách tìm nghiệm và liên hệ giữa nghiệm của PT và nghiệm của BPT. - Xác định nhanh tập nghiệm của các BPT và hệ BPT đơn giản đưa vào biến đổi và lấy nghiệm trên trục số.		2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.
17	31	III. Một số phép biến đổi tương đương. 1. BPT tương đương 2. Phép biến đổi tương đương						

				Một số phép biến đổi bất phương trình. 3. Cộng (trừ)			
18	32	Kiểm tra học kì I	Đề kiểm tra ĐẠI SỐ + HÌNH HỌC	<p>Thông qua bài làm của HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS. 	1	Trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận.	Tự luận và trắc nghiệm
19	33	Bài 2: Bất phương trình và hệ bất phương trình một ẩn. (tiếp theo)	III. Một số phép biến đổi tương đương. 4. Nhân (chia) 5. Bình phương 6. Chú ý	<p>1. Kiến thức: - Biết được các khái niệm về BPT, hệ BPT một ẩn; nghiệm và tập nghiệm của BPT, hệ BPT; điều kiện của BPT; giải BPT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - biết được các phép biến đổi tương đương. 	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm 	<p>HD 1, 3 tự học có hướng dẫn</p> <p>Các nội dung còn lại Chú trọng dạy các khái niệm (định nghĩa) và cho ví dụ minh họa.</p> <p>Bài tập cần làm (trang 87-88): 1a, 1d, 2,4,5.</p>
20	34		Bài tập	<p>2. Kĩ năng Giải được các BPT đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách tìm nghiệm và liên hệ giữa nghiệm của PT và nghiệm của BPT. - Xác định nhanh tập nghiệm của các BPT và hệ BPT đơn giản dựa vào biến đổi và lấy nghiệm trên trục số. 			
21	35	Bài 3: Dấu của nhị thức bậc nhất.	I. Định lý về dấu của nhị thức bậc nhất. II. Xét dấu tích thương các nhị thức bậc nhất.	<p>1. Kiến thức: - Biết xét dấu một nhị thức bậc nhất, xét dấu một tích, thương của nhiều nhị thức bậc nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khắc sâu phương pháp lập bảng giải bất phương trình tích. 	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm 	<p>Bài tập cần làm (trang 94): 1, 2a, 2c, 3.</p>
22	36		III. Áp dụng vào giải BPT. 1. BPT tích, BPT chứa ẩn ở mẫu. 2. BPT chứa ẩn dưới dấu giá trị tuyệt đối.	<p>2. Kĩ năng: - Xét được dấu của nhị thức bậc nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thành thạo phương pháp bảng trong việc xét dấu biểu thức hoặc giải bất phương trình. - Vận dụng một cách linh hoạt việc xét dấu để giải các BPT và xét dấu các biểu thức đại số khác. 			
	37			1. Kiến thức : Ôn tập lại nội dung lý thuyết nhị thức bậc nhất.			

			Bài tập	2. Kỹ năng : Áp dụng để giải các bất phương trình.			
23	38	Bài 4: Bất phương trình bậc nhất hai ẩn.	I. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn II. Biểu diễn tập nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn.	1. Kiến thức: - Hiểu được khái niệm BPT, hệ BPT bậc nhất hai ẩn; tập nghiệm của BPT, hệ BPT bậc nhất hai ẩn. 2. Kỹ năng: - Biết xác định miền nghiệm của BPT, hệ BPT bậc nhất hai ẩn. - Áp dụng được vào bài toán thực tế.	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục V tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 99-100): 1, 2
	39		III. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn. IV. Áp dụng vào giải bài toán kinh tế. Bài tập				
24	40		Bài tập	1. kiến thức : - Hệ thống lại kiến thức đã học trong bài: “Bất phương trình bậc nhất hai ẩn”. -Củng cố lại kiến thức và phương pháp giải đã học. 2. Kỹ năng: - Biểu diễn được tập nghiệm của bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ.			
	41	Bài 5: Dấu của tam thức bậc hai	I. Định lí về dấu của tam thức bậc hai. 1. Tam thức bậc hai. 2. Dấu của tam thức bậc hai. 3. Áp dụng.	1. Kiến thức: - Nắm được định lí về dấu của tam thức bậc hai. - Biết và vận dụng được định lí trong việc giải các bài toán về xét dấu tam thức bậc hai. - Biết sử dụng pp bảng, pp khoảng trong việc giải toán. - Biết liên hệ giữa bài toán xét dấu và bài toán về giải BPT và hệ BPT. 2. Kỹ năng: - Phát hiện và giải các bài toán về xét dấu của tam thức bậc hai. - Vận dụng được định lí trong việc giải BPT bậc hai và một số BPT khác.	4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Bài tập cần làm (trang 105): 1,2,3.
25	42		I. Bất phương trình bậc hai một ẩn. 1. Bất phương trình bậc hai. 2. Giải bất phương trình bậc hai 3. Vận dụng việc giải bất phương trình bậc hai.				
	43		Bài tập				
26	44		Bài tập				
	45	Ôn tập chương IV	Bài tập	1. Kiến thức: - Ôn tập toàn bộ kiến thức trong chương	3	- Tổ chức hoạt động	Bài tập 17 không yêu cầu HS làm
27	46		Bài tập				
	47		Bài tập				

					2. Kỹ năng: - Vận dụng các kiến thức một cách tổng hợp.		học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm- Hình thức thảo luận.	Bài tập cần làm (trang 106-108): 1, 3,4,5,6,10, 13
	48		Kiểm tra giữa kì	Đề kiểm tra ĐẠI SỐ + HÌNH HỌC	Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS.	1		Trắc nghiệm và tự luận
28	49	Chương V. Thống kê (Tổng số tiết: 4)	Ghép 2 bài Bài 1: Bản phân bố tần số, tần suất bài 2: biểu đồ.	I. Bảng phân bố tần số, tần suất. Biểu đồ 1. Ôn tập a. Số liệu thống kê. Tần số b. Tần suất 2. Bảng phân bố tần số và tần suất ghép lớp 3. Biểu đồ II. Biểu đồ 1. Biểu đồ tần suất hình cột 2. Biểu đồ tần suất đường gấp khúc 3. Biểu đồ hình Quạt	1. Kiến thức: - Nắm được các khái niệm: số liệu thống kê, tần số, tần suất, bảng phân bố tần suất, tần suất ghép lớp. - Nắm được khái niệm biểu đồ tần suất hình cột, đường gấp khúc tần suất, biểu đồ hình quạt. - Nắm được mối quan hệ giữa tần suất và góc ở tâm của hình tròn. 2. Kỹ năng: - Tính toán các số liệu thống kê. - Lập và đọc các bảng số liệu. - Đọc và vẽ được biểu đồ tần số, tần suất hình cột, đường gấp khúc, hình quạt.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Ghép và cấu trúc thành 01 bài §1. Một số khái niệm cơ bản về thống kê. I. Bảng phân bố tần số, tần suất. Biểu đồ 1. Ôn tập a. Số liệu thống kê. Tần số b. Tần suất 2. Bảng phân bố tần số và tần suất ghép lớp 3. Biểu đồ II. Số trung bình cộng. Số trung vị. Mốt. 1. Ôn tập
29	50			Bài tập	1. Về kiến thức: - Củng cố lại cách vẽ các biểu đồ tần số, tần suất hình cột, biểu đồ tần suất hình quạt và đường gấp khúc tần số tần suất. 2. Về kỹ năng:			

					<ul style="list-style-type: none"> - Đọc được các biểu đồ hình cột, hình quạt. - Vẽ được biểu đồ tần số, tần suất hình cột, hình quạt. 			<ul style="list-style-type: none"> a. Số trung bình cộng b. Mốt 2. Số trung vị
	51		<p>Ghép 2 bài Bài 3: số trung bình cộng. số trung vị. Mốt Bài 4: Phương sai và độ lệch chuẩn</p>	<p>I.: số trung bình cộng. số trung vị. Mốt 1. số trung bình cộng. 2. Số trung vị. 3. Mốt:</p> <p>II. Phương sai và độ lệch chuẩn 1. phương sai 2. Độ lệch chuẩn</p>	<p>a. Về kiến thức: - Nhớ được công thức tính các số đặc trưng của mẫu số liệu như trung bình, số trung vị, mốt, - Biết khái niệm phương sai, độ lệch chuẩn của dãy số liệu thống kê và ý nghĩa của chúng</p> <p>b. Về kĩ năng: Biết cách tính các số trung bình, số trung vị, mốt. Tìm được phương sai, độ lệch chuẩn của dãy số liệu thống kê</p>	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm 	<p>Ghép và cấu trúc thành 01 bài §2. Phương sai Độ lệch chuẩn. 1. Phương sai và độ lệch chuẩn 2. Bài tập thực hành dành cho nhóm học sinh: Giáo viên hướng dẫn học sinh điều tra và thu thập các số liệu thống kê trên lớp học theo một dấu hiệu nào đó. Sau đó, yêu cầu học sinh trình bày, phân tích và xử lí các số liệu thống kê đã thu thập được (có đề cập đến phương sai và độ lệch chuẩn).</p>
30	52		<p>Ôn tập chương V</p>	<p>Bài tập</p>	<p>1. Kiến thức : - Dãy số liệu thống kê, tần số, tần suất. - Bảng phân bố tần số, tần suất. - Biểu đồ tần số, tần suất hình cột, đường gấp khúc, hình quạt. - Số trung bình, số trung vị, mốt, phương sai, độ lệch chuẩn. 2. Kĩ năng: Hình thành các kĩ năng: - Tính toán trên các số liệu thống kê.</p>	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với 	<p>Bài tập cần làm (trang 128-131) : 4e, bài tập thực hành nhóm (dành cho các nhóm học sinh)</p>

					- Kỹ năng phân lớp. - Vẽ và đọc các biểu đồ.		hoạt động nhóm	
	53	Chương VI. GÓC VÀ CUNG LƯỢNG GIÁC (Tổng số tiết:11)	Bài 1: Cung và góc lượng giác	I. Khái niệm cung và góc lượng giác. 1. Đường tròn định hướng và cung lượng giác. 2. Góc lượng giác 3. Đường tròn lượng giác	1. Kiến thức: - Nắm được khái niệm đường tròn định hướng, đường tròn lượng giác, cung và góc lượng giác. - Nắm được khái niệm đơn vị độ và radian và mối quan hệ giữa các đơn vị này. - Nắm được số đo cung và góc lượng giác.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục I.1 và mục II.1b. HĐ 1 Tự học có hướng dẫn Bài tập 2; 3 không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 140) : 1, 2a, 2d, 3a, 3c, 4a, 4c, 5a, 5b, 6.
	54			II. Số đo của cung và góc lượng giác. 1. Độ và radian 2. . Số đo của cung lượng giác. 3. . Số đo của góc lượng giác. 4. Biểu diễn cung lượng giác trên đường tròn lượng giác.	2. Kỹ năng: - Biểu diễn được cung lượng giác trên đường tròn lượng giác. - Tính và chuyển đổi thành thạo hai đơn vị đo. - Tính thành thạo số đo của một cung lượng giác.			
31	55		Bài 2: Giá trị lượng giác của một cung	I. Giá trị lượng giác của cung α. 2. Hệ quả. 3. GTLG của các cung đặc biệt. II. Ý nghĩa hình học của tan và cot 1. Ý nghĩa hình học của tan. 2. Ý nghĩa hình học của cot	1. Kiến thức: - Nắm vững định nghĩa các giá trị lượng giác của cung α . - Nắm vững các hằng đẳng thức lượng giác cơ bản. - Nắm vững mối quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc có liên quan đặc biệt. 2. Kỹ năng: - Tính được các giá trị lượng giác của các góc.	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	
	56			III. Quan hệ giữa các giá trị LG 1. Công thức lượng giác cơ bản. 2. Ví dụ áp dụng. giá trị LG của các cung có liên quan đặc biệt.	- Vận dụng linh hoạt các hằng đẳng thức lượng giác. - Biết áp dụng các công thức trong việc giải các bài tập.			
	57		Bài tập					
	58	Bài 3: Công thức lượng giác	I/ Công thức cộng: II. Công thức nhân đôi III/ Công thức biến đổi tích thành tổng và tổng thành tích Bài tập	1. kiến thức: Công thức cộng, công thức nhân đôi. 2. kỹ năng: Học sinh áp dụng công thức vào giải toán, (chứng minh, rút gọn biểu thức, tính toán ...)	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt	HĐ1,2 và ví dụ 3 Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 153) : 1, 2a, 2b, 3, 4a, 4b, 5, 8.	
	59							
32	60							

							động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	
	61	Ôn tập chương VI	Ôn tập lại kiến thức cả chương	<p>1. Kiến thức: Nhắc lại kiến thức cũ.</p> <p>2. Kỹ năng: Làm các bài tập liên quan đến chương.</p>	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm 	Bài tập cần làm (trang 155) : 3,4,5a,5b,6a,6b,7a,7d,8a,8d.	
35	62	Ôn tập cuối năm	Kiến thức từ đầu năm đến cuối năm	<p>1. Kiến thức: -HS hệ thống lại kiến thức đã học cả năm, khắc sâu khái niệm công thức cần nhớ.</p> <p>2. Kỹ năng: -Vận dụng được các pp đã học và lý thuyết đã học vào giải được các bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và nắm được cách giải các dạng toán cơ bản. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm 	Mục I Tự học có hướng dẫn Bài 11 không yêu HS làm	
	63	Kiểm tra học kì 2	Kiểm tra học kì 2	<p>Thông qua bài làm của HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS. 		TNKQ+ TL		

HÌNH HỌC

Tuần	Tiết	Chương	Bài/chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt (theo chương trình môn học)	Thời lượng (số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
1	1	Chương I. Vec tơ (Tổng số tiết:15)	Bài 1: Các Định Nghĩa	1. Khái niệm vec tơ. 2. Vec tơ cùng phương, vec tơ cùng hướng 3. Hai vec tơ bằng nhau. 4. Vec tơ không.	1. Về kiến thức:- Hiểu khái niệm vectơ, vectơ – không, độ dài vectơ, hai vectơ cùng phương, hai vectơ bằng nhau. - Biết được vectơ – không cùng phương, cùng hướng với mọi vectơ. 2. Về kỹ năng:- Chứng minh được hai vectơ bằng nhau. - Khi cho trước điểm A và vectơ \vec{a} , dựng được điểm B sao cho: $\vec{AB} = \vec{a}$.	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục 2. HĐ 2 tự học có hướng dẫn Bài tập 4 không yêu cầu Các nội dung còn lại Chú trọng dạy các khái niệm và cho ví dụ minh họa.
2	2		Bài 2: Tổng và hiệu của hai của 2 vec tơ	1. Tổng của hai vec tơ. 2. Quy tắc hình bình hành. 3. Tính chất của phép cộng các vectơ.	1. kiến thức:- Hiểu cách xác định tổng hai vectơ, quy tắc 3 điểm, quy tắc hình bình hành và các tính chất của phép cộng vectơ: Giao hoán, kết hợp. 2. Về kỹ năng:- Biết vận dụng quy tắc 3 điểm, quy tắc hình bình hành khi lấy tổng hai vectơ cho trước.	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục 3. HĐ 1, mục 5 tự học có hướng dẫn Bài tập 1 không yêu cầu HS làm
3	3			4. Hiệu của hai vec tơ 5. Áp dụng				
4	4			Bài tập				
5	5		Bài 3: Tích của một vec tơ với một số	I. Định nghĩa : II. Tính chất: III. Trung điểm của đoạn thẳng và trọng tâm tam giác	1. Kiến thức: Học sinh hiểu được định nghĩa tích của vectơ với một số và các tính chất của nó. Biết điều kiện cần và đủ để hai vectơ cùng phương, tính chất của trung điểm, tính chất của trọng tâm. 2. Kỹ năng:- Cho số k và vectơ \vec{a} biết dựng vectơ $k\vec{a}$. - Sử dụng đk cần và đủ của hai vectơ cùng phương: \vec{a} và	4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục 1. HĐ1 Mục 2. HĐ2 Mục 3. HĐ3 Mục 5 Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 17) : 1,2,4,5,6
6	6			IV. Điều kiện để hai vectơ cùng phương : V. Phân tích một vectơ theo hai vectơ không cùng phương:				
7	7			Bài tập				
8	8			Bài tập				

					\vec{b} cùng phương \Leftrightarrow Có số k để $\vec{a} = k\vec{b}$, ($\vec{b} \neq 0$)			
9	9		Bài 4: Hệ trục tọa độ	1. Trục và độ dài đại số trên trục.	1. Kiến thức: - Hiểu khái niệm trục tọa độ, tọa độ của vector và của điểm trên trục. - Biết khái niệm độ dài đại số của một vector trên trục. - Hiểu được tọa độ của vector, của điểm đối với một hệ trục. - Biết được biểu thức tọa độ của các phép toán vector, độ dài vector và khoảng cách giữa hai điểm, 2. Kỹ năng: - Xác định được tọa độ của điểm, của vector trên trục. - Tính được độ dài đại số của một vector khi biết tọa độ hai điểm đầu mút của nó. - Tính được tọa độ của vector nếu biết tọa độ hai đầu mút. Sử dụng được biểu thức tọa độ của các phép toán vector.	4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Mục I và HĐ1,2,3,4,5 Tự học có hướng dẫn Bài tập 1 không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 26) : 2,3,5,6,7,8.
10	10			3. Tọa độ của các vec tơ.				
11	11			4. Tọa độ trung điểm của đoạn thẳng. Tọa độ của trọng tâm của tam giác				
12	12			Bài tập Bài tập				
13	13	Ôn tập chương I	Bài tập	1. Kiến thức: - Nắm lại toàn bộ kiến thức đã học về vector và tọa độ. 2. Kỹ năng: - Biết vận dụng các tính chất của vector trong việc giải toán hình học. - Vận dụng một số công thức về tọa độ để giải một số bài toán hình học.	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Phần câu hỏi trắc nghiệm các câu 5, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 20, 21, 26, 29 nếu sử dụng thì cần chỉnh sửa về kỹ thuật biên soạn	
14	14		Bài tập					
15	15		Bài tập					
15	16	Chương II. TÍCH VÔ HƯỚNG CỦA HAI VÉCTƠ VÀ	Bài 1: Giá trị lượng giác của một góc bất kì từ 0^0 đến 180^0	1. Định nghĩa 2. Tính chất. 3. Giá trị lượng giác của các góc đặc biệt. 4. Góc giữa hai vec tơ.	1. Về kiến thức: Học sinh biết được giá trị lượng giác của một góc α với $0^0 \leq \alpha \leq 180^0$, quan hệ giữa các giá trị lượng giác	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình	HĐ 1 tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 40) : 2,5,6.

		ỨNG DỤNG (Tổng số tiết:13)		5. Sử dụng máy tính bỏ túi để tính giá trị của một góc	của hai góc bù nhau , các giá trị lượng giác của góc đặc biệt 2. Kỹ năng: Học sinh biết cách vận dụng các giá trị lượng giác vào tính toán và chứng minh các biểu thức về giá trị lượng giác		- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	
16	17		Bài 2: Tích vô hướng của hai vector	1. Định nghĩa: 2. Các tính chất của tích vô hướng:	1. Về kiến thức:- Biết được định nghĩa tích vô hướng của 2 vector và các tính chất của nó, - Bấm biểu thức tọa độ của tích vô hướng, công thức tính độ dài và góc giữa 2 vector. 2. Kỹ năng: - Xác định góc giữa 2 vector dựa vào tích vô hướng, tính được độ dài vector và khoảng cách giữa 2 điểm, vận dụng tính chất của tích vô hướng vào giải toán.	5	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	HD1, HD2 Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 45) : 1,2,4,5.
	18			3. Biểu thức tọa độ của tích vô hướng.				
17	19			4. Ứng dụng				
	20			Bài tập Bài tập				
18	21							
	22		Kiểm tra học kì I					
19	23		Bài 3: các hệ thức lượng trong tam giác và giải tam giác.	Các hệ thức lượng trong tam giác vuông : 1. Định lý cosin.	1. kiến thức : - Giúp HS các hệ thức trong tam giác vuông , định lý hàm số sin , cosin, công thức tính diện tích tam giác , từ này biết áp dụng vào giải tam giác và ứng dụng vào trong thực tế đo đạc 2. Về kỹ năng: Rèn luyện kó năng tính cạnh , góc trong tam giác, tính diện tích tam giác	4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	HD 1, HD3, HD4, HD5, HD 6, HD 7, HD 8, HD 9 Tự học có hướng dẫn Mục 3 phần chứng minh công thức tính diện tích tam giác : không yêu cầu học sinh chứng minh
	24			2. Định lý sin: 3. Công thức tính diện tích tam giác.				
20	25			4. Giải tam giác và ứng dụng vào việc đo đạc :				
	26	Bài tập						

								Bài tập cần làm trang 59 - 60) : 3,4,6,8,9
21	27		Ôn tập chương II	Bài tập	1. kiến thức : Giúp học sinh hệ thống lại và khắc sâu các KTCB của chương a. Về kỹ năng: Rèn luyện khả năng tính tích vô hướng 2 vt, tính độ dài vt, góc giữa 2 vt, khoảng cách giữa 2 điểm, giải tam giác	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Phần II các câu 4,5,6,7,9, 10,11,13,15,19,20,25,26 nếu sử dụng thì cần chỉnh sửa về kỹ thuật biên soạn. Bài tập cần làm (trang 62) : 4,7,8,9,10
	28			Bài tập				
22	29	Chương II. PHƯƠNG PHÁP TOẠ ĐỘ TRONG MẶT PHẪNG (Tổng số tiết:14)	Bài 1: Phương trình đường thẳng	I –Vectơ chỉ phương của đường thẳng: II-Phương trình tham số của đường thẳng:	1. kiến thức: Giúp học sinh nắm dạng phương trình tham số, phương trình tổng quát của đường thẳng; khái niệm về vt chỉ phương - vt pháp tuyến - hệ số góc của đường thẳng; nắm vị trí tương đối, góc giữa 2 đường thẳng; công thức tính khoảng cách từ 1 điểm đến đường thẳng. 2. kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng viết phương trình tham số, tổng quát của đường thẳng; xác định vị trí tương đối, tính góc giữa hai đường thẳng; tính khoảng cách từ 1 điểm đến đường thẳng.	6	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	HD1, HD3, HD4, HD 5, HD 6, HD 8, HD 9 tự học có hướng dẫn. Bài tập cần làm (trang 80): 1,2,3,5,6,7,8a, 9
23	30			III. Vectơ pháp tuyến của đường thẳng IV-Phương trình tổng quát của đường thẳng:				
24	31			a. Các trường hợp đặc biệt của phương trình tổng quát. b. Vị trí tương đối của hai đường thẳng.				
25	32			6 -Góc giữa hai đường thẳng: 7 . Công thức tính khoảng cách từ một điểm đến				
26	33			Bài tập				
27	34			Bài tập				
28	35			Bài 2: Phương trình đường tròn				
29	36	Bài tập						

30	37		Bài 3: Phương trình chính tắc của elip	I. Định nghĩa đường elip: II. Phương trình chính tắc của elip: III. Hình dạng của elip: IV. Liên hệ giữa đường Tròn và đường elip:	1. Kiến thức: Hs nắm tọa độ định nghĩa của đường elip ,pt chính tắc của elip, hình dạng của elip. 2. Kỹ năng: - Lập tọa p.t chính tắc của elip khi biết các yếu tố xác định elip này - Xác định tọa các thành phần của elip khi biết p.t chính tắc của elip này.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	HĐ 1, HĐ 2, HĐ 3, HĐ 4 tự học có hướng dẫn. Mục 4 (Không yêu cầu) Bài tập 5 (Không yêu cầu HS làm) Bài tập cần làm (trang 88): 1a, 1b, 2, 3	
31	38			Bài tập					
32	39			Bài tập					
33	40			Ôn tập chương III	Bài tập Bài tập	1. kiến thức : củng cố, khác sâu kiến thức về: -Viết ptt, pttq của đường thẳng, tính góc giữa 2 đường thẳng, PT đường Tròn, tìm tâm và bán kính đường Tròn - viết p trình elip, tìm độ dài các trục, tọa độ các tiêu điểm, các đỉnh của elip. 2. Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng áp dụng p trình đường thẳng, đường Tròn và elip để giải 1 số bài toán cơ bản của hình học nhờ tìm giao điểm, tính khoảng cách, vị trí tương đối giữa 2 đường thẳng....	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	Phần I, bài 7 Phần II, các câu: 5, 11, 12, 21, 23, 26 (Không yêu cầu HS làm)
34	41			Ôn tập cuối năm	Bài tập	1. Kiến thức: Nắm được các kiến thức các chủ đề trong chương III. 2. Kỹ năng: Tổng hợp các kỹ năng các chủ đề trong chương III.	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	
35	42			Kiểm tra học kì 2	Toàn bộ kiến thức học kì 2	Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS.	1		Tự luận và trắc nghiệm

					- Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS.			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

TỰ CHỌN

<i>Tuần</i>	<i>Tiết</i>	<i>Môn</i>	<i>Bài dạy</i>	<i>Nội dung</i>	Kiến thức, Kỹ năng	Hình thức tổ chức dạy học
1	1	Đại	Mệnh Đề	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Học sinh nắm được các khái niệm “Điều kiện cần”; “điều kiện đủ”; “Điều kiện cần và đủ”.</p> <p>2. Kỹ năng: - Rèn t- duy logic, suy luận chính xác - Vận dụng tốt vào suy luận toán học</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
2	2	Đại	Các phép toán trên tập hợp	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Nắm vững các khái niệm hợp, giao, hiệu, phần bù của hai tập hợp.</p> <p>2. Kỹ năng: Biết cách xác định hợp, giao, hiệu, phần bù của hai tập hợp.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
3	3	hình	Tổng và hiệu của hai vectơ	Bài tập	<p>1. Về kiến thức: - Nắm được định nghĩa vectơ và những khái niệm quan trọng liên quan đến vectơ như: sự cùng phương của hai vectơ, độ dài của vectơ, hai vectơ bằng nhau, vectơ $\vec{0}$...</p> <p>- Các phép toán của vectơ, các tính chất của phép toán đặc biệt quy tắc ba điểm và quy tắc hình bình hành</p> <p>2. Về kỹ năng : - Biết chứng minh một đẳng thức vectơ, biết dựng một vectơ bằng vectơ cho trước và có điểm đầu cho trước.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
4	4	Đại	Tập hợp	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Hiểu được các kí hiệu N^*; N; Z; Q; R và mối quan hệ giữa các tập hợp đó.</p> <p>- Hiểu được các kí hiệu $(a; b)$; $[a; b]$; $(a; b)$; $(a; b)$; $(-\infty; a)$ $(a; +\infty)$; $(-\infty; a]$; $[a; +\infty)$; $(-\infty; +\infty)$.</p> <p>2. Kỹ năng - Biết biểu diễn các khoảng, đoạn trên trục số.</p> <p>- Sử dụng được các ký hiệu đã học.</p> <p>- Thực hiện được các phép toán lấy giao của hai tập hợp, hợp của hai tập hợp, hiệu của hai tập hợp, phần bù của một tập con.</p> <p>- Biết dựng biểu diễn trên trục số các tập hợp</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>

5	5	Đại	Hàm số	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Hiểu khái niệm, tập xác định và đồ thị của hàm số . - Hiểu các tính chất: hàm số ĐB, hàm số NB , hàm số chẵn, hàm số lẻ. - Biết được tính chất đối xứng của đồ thị hàm số chẵn, hàm số lẻ.</p> <p>2. Kỹ năng: - Biết tìm tập xác định của các hàm số đơn giản. - Biết cách chứng minh tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số trên một khoảng cho trước. - Biết xét tính chẵn, lẻ của một hàm số đơn giản.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
6	6		Tích của một vec tơ với một số	Bài tập	<p>1. Kiến thức - Hiểu định nghĩa tích của vectơ với 1 số - Điều kiện để 2 vectơ cùng phương - Điều kiện để 3 điểm thẳng hàng</p> <p>2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng tìm điều kiện để 2 vectơ cùng phương, cùng hướng. chứng minh được 3 điểm thẳng hàng.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
7	7	Đại	Hàm số bậc hai	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Ôn định nghĩa hàm số bậc hai và biết mối liên hệ giữa hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$ đã học và hàm số bậc hai $y = ax^2 + bx + c (a \neq 0)$ - vẽ thành thạo đồ thị các hàm số đã học . Nắm được các bước để vẽ được đồ thị của hàm số bậc hai. - Hiểu được sự biến thiên của hàm số bậc hai.</p> <p>2. Kỹ năng: - Biết cách xác định tốt bề lõm, đỉnh, trục đối xứng của đồ thị hàm số. - Biết tìm tọa độ giao điểm của hai đường thẳng có phương trình cho trước. Tìm phương trình đường thẳng khi biết hai điểm mà nó đi qua. - Lập được bảng biến thiên của hàm số bậc hai; vẽ được đồ thị của hàm số. Từ đồ thị xác định được sự biến thiên, tọa độ đỉnh, trục đối xứng của đồ thị. - Biết cách xét tính tương giao của hai đồ thị, lập hàm số của parabol thỏa tính chất cho trước.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
8	8	Đại	Ôn tập chương II	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Nắm được các kiến thức về hàm số, hàm số bậc hai.</p> <p>2. Kỹ năng: - Tổng hợp các kỹ năng các chủ đề trong chương II</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
9	9	Đại	Đại cương về phương trình.	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Hiểu khái niệm phương trình, nghiệm của phương trình. - Hiểu định nghĩa hai phương trình tương đương và các phép biến đổi tương đương. - Biết khái niệm phương trình hệ quả.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>

					<p>2. Kỹ năng: - Nhận biết một số cho trước là nghiệm của phương trình đã cho, nhận biết được hai phương trình tương đương.</p> <p>- Nêu được điều kiện xác định của phương trình.</p> <p>- Biết biến đổi tương đương phương trình</p>	
10	10	hình	Hệ trục tọa độ	Bài tập	<p>1. Kiến thức: + Ôn tập cho học sinh các kiến thức về hệ trục tọa độ. + Nắm một cách chắc chắn các công thức tính tọa độ của điểm, của vectơ. Cũng như các tính chất.</p> <p>2. Kỹ năng: Học Sinh áp dụng được các công thức, cũng như các tính chất để giải các bài tập cụ thể. sử dụng máy tính Casio fx 500 MS(570 MS , 500ES)</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
11	11	Đại	Phương trình quy về phương trình bậc nhất, bậc hai	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Củng cố cách giải phương trình bậc nhất , bậc hai một ẩn - Giải và biện luận phương trình $ax+b=0$, $ax^2+bx+c=0$ ($a \neq 0$) , phương trình chứa ẩn dưới dấu căn.</p> <p>2. Kỹ năng: - Giải và biện luận thành thạo các phương trình dạng $ax+b=0$, $ax^2+bx+c=0$ ($a \neq 0$) và phương trình chứa ẩn dưới dấu căn dạng đơn giản.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
12	12	hình	Hệ trục tọa độ	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Ôn tập cho học sinh các kiến thức về hệ trục tọa độ. - Nắm một cách chắc chắn các công thức tính tọa độ của điểm, của vectơ. Cũng như các tính chất.</p> <p>2. Kỹ năng: - Học Sinh áp dụng được các công thức, cũng như các tính chất để giải các bài tập cụ thể.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
13	13	Đại	Hệ phương trình bậc nhất nhiều ẩn	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Cách giải hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn số, ba ẩn số. - Cách biến đổi để đưa về hệ phương trình bậc nhất. - Hiểu rõ phương pháp cộng đại số, phương pháp thế trong việc giải hệ phương trình.</p> <p>2. Kỹ năng:- Giải thành thạo phương trình bậc nhất hai ẩn số và các hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, ba ẩn với hệ số bằng số</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
14	14	hình	Hệ trục tọa độ	Bài tập	<p>1. kiến thức: Giúp HS ôn lại các công thức đã học như xác định tọa độ điểm, tọa độ vectơ khi biết điều kiện cho trước.</p> <p>2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng giải toán, cách trình bày lời giải</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
15	15	hình	Ôn tập chương 1	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Nắm lại toàn bộ kiến thức đã học về vectơ và tọa độ.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p>

					<p>2. Kỹ năng: Biết vận dụng các tính chất của vectơ trong việc giải toán hình học.</p>	<p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
16	16	Đại	Bất đẳng thức	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Hệ thống lại một số tính chất thường dùng trong CM bất đẳng thức và sau này vận dụng vào giải bất phương trình</p> <p>- Phương pháp chứng minh một bất đẳng thức bằng định nghĩa.</p> <p>2. Kỹ năng: Giúp học sinh rèn luyện các kỹ năng:</p> <p>- Chứng minh bất đẳng thức áp dụng bất đẳng thức Cô-Si đối với hai số không âm; có thể mở rộng đối với 3 số không âm.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
17	17	Đại	Bất phương trình	Bài tập	<p>1. Kiến thức : Học sinh cần hệ thống các kiến thức cơ bản về :</p> <p>- Định lí về dấu của nhị thức bậc nhất</p> <p>- Bất phương trình bậc nhất và bất phương trình bậc hai .</p> <p>2. Kỹ năng-Biết cách lập bảng xét dấu để giải một bất phương trình tích hoặc bất phương trình chứa ẩn ở mẫu ;</p> <p>-Biết vận dụng định lí về dấu của tam thức bậc hai để xét dấu một biểu thức và để giải các bất phương trình bậc hai .</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
18	18	Đại + hình	Ôn tập học kì 1	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Hs nắm lại những kiến thức đã học.</p> <p>- Biết vận dụng những kiến thức đã học vào giải bài tập.</p> <p>2. Kỹ năng:- Thành thạo việc giải pt bậc nhất, bậc hai.</p> <p>- Thành thạo việc vẽ đồ thị hàm số bậc nhất, bậc hai; chứng minh bất đẳng thức.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
19	19	Đại	Hệ bất phương trình một ẩn	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Nắm được các khái niệm về BPT, hệ BPT một ẩn; nghiệm và tập nghiệm của BPT, hệ BPT; điều kiện của BPT; giải BPT.</p> <p>- Nắm được các phép biến đổi tương đương.</p> <p>2. Kỹ năng: - Giải được các BPT đơn giản.</p> <p>- Biết cách tìm nghiệm và liên hệ giữa nghiệm của PT và nghiệm của BPT.</p> <p>- Xác định nhanh tập nghiệm của các BPT và hệ BPT đơn giản dựa vào biến đổi và lấy nghiệm trên trục số</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
20	20	hình	Giải tam giác	Bài tập	<p>1. Kiến thức. Học sinh hiểu được</p> <p>- Các hệ thức lượng trong tam giác vuông, định lí hàm số cosin, định lí hàm số sin, các công thức tính diện tích của tam giác, từ đó biết áp dụng vào giải tam giác và ứng dụng vào thực tế đo đạc.</p> <p>2. Kỹ năng. Học sinh biết</p> <p>- Áp dụng định lí cosin, định lí sin, công thức về độ dài đường trung tuyến, các công thức tính diện tích để giải một số bài toán liên quan đến tam giác.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>

					- Giải tam giác trong một số trường hợp đơn giản. Biết vận dụng giải tam giác vào các bài toán có nội dung thực tiễn. Kết hợp với việc sử dụng máy tính bỏ túi khi giải toán.	
21	21	hình	Giải tam giác	Bài tập	<p>1. Kiến thức. Học sinh hiểu được</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hệ thức lượng trong tam giác vuông, định lý hàm số cosin, định lý hàm số sin, các công thức tính diện tích của tam giác, từ đó biết áp dụng vào giải tam giác và ứng dụng vào thực tế đo đạc. <p>2. Kỹ năng. - Biết áp dụng định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến, các công thức tính diện tích để giải một số bài toán liên quan đến tam giác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải tam giác trong một số trường hợp đơn giản. Biết vận dụng giải tam giác vào các bài toán có nội dung thực tiễn. Kết hợp với việc sử dụng máy tính bỏ túi khi giải toán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
22	22	hình	Giải tam giác	Bài tập	<p>1. Kiến thức. Học sinh hiểu được</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hệ thức lượng trong tam giác vuông, định lý hàm số cosin, định lý hàm số sin, các công thức tính diện tích của tam giác, từ đó biết áp dụng vào giải tam giác và ứng dụng vào thực tế đo đạc. <p>2. Kỹ năng. Học sinh biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến, các công thức tính diện tích để giải một số bài toán liên quan đến tam giác. - Giải tam giác trong một số trường hợp đơn giản. Biết vận dụng giải tam giác vào các bài toán có nội dung thực tiễn. Kết hợp với việc sử dụng máy tính bỏ túi khi giải toán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
23	23	Đại	Dấu nhị thức bậc nhất	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Nắm được khái niệm nhị thức bậc nhất và định lý về dấu của nhị thức bậc nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các bước xét dấu nhị thức bậc nhất, các bước xét dấu một biểu thức là tích (thương) của các nhị thức bậc nhất. <p>2. Kỹ năng: - Biết cách xét dấu nhị thức bậc nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách xét dấu một biểu thức là tích (thương) của các nhị thức bậc nhất. - Áp dụng dấu nhị thức vào giải bất phương trình bằng cách xét dấu biểu thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
24	24	Đại	Dấu của tam thức bậc hai	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Nắm được khái niệm nhị thức bậc nhất và định lý về dấu của nhị thức bậc nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các bước xét dấu nhị thức bậc nhất, các bước xét dấu một biểu thức là tích (thương) của các nhị thức bậc nhất. <p>2. Kỹ năng: - Biết cách xét dấu nhị thức bậc nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách xét dấu một biểu thức là tích (thương) của các nhị thức bậc nhất. - Áp dụng dấu nhị thức vào giải bất phương trình bằng cách xét dấu biểu thức của nó. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm

25	25	Đại	Dấu của tam thức bậc hai	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Giải các bài toán về xét dấu tam thức bậc hai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng phương pháp bảng xét dấu, phương pháp khoảng trong việc giải toán. - Biết liên hệ giữa bài toán xét dấu và bài toán về giải bất phương trình và hệ bất phương trình. <p>2. Kỹ năng: - Phát hiện và giải các bài toán về xét dấu của tam thức bậc hai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng được định lí trong việc giải bất phương trình bậc hai và một số bất phương trình khác. - Tìm điều kiện của tham số để bất phương trình bậc hai vô nghiệm, có nghiệm, nghiệm đúng với mọi x. - Rèn luyện một số kỹ năng khác: kỹ năng trình bày bài viết; kỹ năng hoạt động nhóm; kỹ năng thuyết trình, báo cáo, kỹ năng sử dụng máy tính cầm tay... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
26	26	Đại	Giải và biện luận phương trình	Bài tập	<p>1. kiến thức: Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định lí về dấu của nhị thức bậc nhất. - Định lí về dấu của tam thức bậc hai. - Khái niệm bất phương trình, tập nghiệm của bất phương trình. <p>2. Kỹ năng: - Áp dụng được định lí về dấu của nhị thức bậc nhất, định lí về dấu của tam thức bậc hai để giải các bất phương trình: bất phương trình bậc hai, bất phương trình dạng tích, bất phương trình chứa ẩn ở mẫu thức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết áp dụng việc giải bất phương trình bậc hai để giải một số bài toán liên quan đến phương trình bậc hai như: điều kiện để phương trình có nghiệm, có hai nghiệm trái dấu,... - <i>Áp dụng được vào bài toán thực tế.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
27	27	hình	Phương trình đường thẳng	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Phương trình tham số, phương trình tổng quát của đường thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí tương đối của hai đường thẳng. - Góc giữa hai đường thẳng, khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng. <p>2. Kỹ năng: - Biết lập phương trình tham số, PT tổng quát của đường thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết xét vị trí tương đối của hai đường thẳng. - Biết cách tính góc giữa hai đường thẳng, khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
28	28	Đại	Bảng số liệu thống kê và các số liệu đặc trưng.	Bài tập	<p>1. Kiến thức: “Bảng số liệu thống kê và các số đặc trưng”. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dãy số liệu thống kê, tần số, tần suất. Bảng phân bố tần số, tần suất. <i>Biểu đồ tần số, tần suất hình cột, đường gấp khúc, hình quạt.</i> Số trung bình cộng, số trung vị, mốt, phương sai, độ lệch chuẩn. <p>2. Kỹ năng: Hình thành các kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tính toán trên các số liệu thống kê., “Phân lớp”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm

29	29	Đại	Phương sai và độ lệch chuẩn	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Số trung bình cộng, số trung vị, mốt, phương sai, độ lệch chuẩn.</p> <p>2. Kỹ năng: Hình thành các kỹ năng: Tính toán trên các số liệu thống kê..</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
30	30	hình	Phương trình đường tròn	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Cách viết phương trình đường tròn. - Cách viết phương trình tiếp tuyến của đường tròn.</p> <p>2. Kỹ năng: - Viết được phương trình đường tròn khi biết tâm và bán kính. Xác định được tâm và bán kính của đường tròn khi biết phương trình đường tròn. - Viết được phương trình tiếp tuyến với đường tròn trong các trường hợp: Biết tọa độ của tiếp điểm (tiếp tuyến tại một điểm nằm trên đường tròn); <i>biết phương trình tiếp tuyến đi qua điểm M nằm ngoài đường tròn.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
31	31	Đại	Cung và góc lượng giác	Bài tập	<p>1. kiến thức: - Củng cố các công thức lượng giác: Công thức cộng, công thức nhân đôi, tổng thành tích, tích thành tổng...</p> <p>2. kỹ năng: - Vận dụng các công thức lượng giác để tính giá trị biểu thức lượng giác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
32	32	hình	E lip	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Củng cố: Định nghĩa Elip. Phương trình chính tắc, hình dạng của Elip.</p> <p>2. Kỹ năng: Từ phương trình chính tắc của Elip: $\frac{x^2}{a^2} + \frac{y^2}{b^2} = 1$ ($a > b > 0$) xác định được độ dài trục lớn, trục nhỏ, tiêu cự, tâm sai của Elip; xác định được tọa độ các tiêu điểm, giao điểm của Elip với các trục tọa độ. Viết được phương trình chính tắc của Elip khi cho các yếu tố xác định Elip đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
33	33	Đại	Giá trị lượng giác	Bài tập	<p>1. kiến thức : Ôn lại dấu các giá trị lượng giác, các hằng đẳng thức lượng giác.</p> <p>2. Kỹ năng: Ôn lại dấu các giá trị lượng giác, các hằng đẳng thức lượng giác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
34	34	Đại	Công thức lượng giác	Bài tập	<p>1. kiến thức : - Củng cố các công thức lượng giác: Công thức cộng, công thức nhân đôi, tổng thành tích, tích thành tổng...</p> <p>2. Kó năng: - Vận dụng các công thức LG để tính giá trị biểu thức lượng giác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm
35	35	Đại + Hình	Ôn tập cuối năm	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Ôn tập toàn bộ kiến thức chương IV, V, VI.</p> <p>2. Kỹ năng: Vận dụng các công thức trên để giải bài tập.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC

MÔN: TOÁN LỚP 11

Cả năm: 123 tiết	Đại số và giải tích 78 tiết	Hình học 45 tiết
Học kì I: 18 tuần 72 tiết	48 tiết 12 tuần đầu x 3tiết = 36 tiết 6 tuần cuối x 2tiết = 12 tiết	24 tiết 12 tuần đầu x 1tiết = 12 tiết 6 tuần cuối x 2tiết = 12 tiết
Ôn tập và kiểm tra học kì I: 1 tuần		
Học kì II: 17 tuần 51 tiết	30 tiết 4 tuần đầu x 1tiết = 4 tiết 13 tuần cuối x 2tiết = 26 tiết	21 tiết 4 tuần đầu x 2tiết = 8 tiết 13tuần cuối x 1tiết = 13 tiết
Ôn tập và kiểm tra học kì II: 1 tuần		

GIẢI TÍCH 11 GIẢI TÍCH 11

Tuần	Tiết	Chương	Bài/chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt (theo chương trình môn học)	Thời lượng (số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
1	1	Chương I. HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC. PHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC Tổng số tiết: 21	Ôn tập phần lượng giác lớp 10.	Ôn tập về công thức	1. Kiến thức: Nhớ lại kiến thức về cung và góc lượng giác , công thức lượng giác. 2. Kỹ năng: Tính GTLG, chứng minh công thức LG, rút gọn lượng giác.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HĐ1, HĐ3 Tự học có hướng dẫn Bài tập 3
	Bài tập							
	2		Bài 1: Hàm số lượng giác.	1. Ôn tập một số iên thức đã học về lượng giác. 2. Hàm số sin và cosin. 3. Hàm số tang và cotang. II. Tính tuần hoàn của các hàm số lượng giác.	1. Kiến thức: Khái niệm hàm số lượng giác . Nắm các ĐN giá trị lượng giác của cung , các hàm số lượng giác . 2. Kỹ năng: Xác định được : TXĐ , tập giá trị , tính chẵn , lẻ , tính tuần	5	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình	
2	4							

	5			III. Sự biến thiên và đồ thị các hàm số lượng giác. 1. Hàm số $y = \sin x$ 2. Hàm số $y = \cos x$	hoàn , chu kì , khoảng đồng Biến , nghịch Biến của các hàm số $y = \sin x; y = \cos x; .$ $y = \tan x; y = \cot x$		- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm..	Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 17): 1,2,5,6,7.	
	6			III. Sự biến thiên và đồ thị các hàm số lượng giác. 1. Hàm số $y = \tan x$ 2. Hàm số $y = \cot x$	Vẽ được đồ thị các hàm số $y = \sin x; y = \cos x;$ $y = \tan x; y = \cot x$				
3	7			Bài tập					
	8			I. Khái niệm PTLG cơ bản. 1. Phương trình $\sin x = a$ 2. Phương trình $\cos x = a$					1. Kiến thức: - Biết phương trình lượng giác cơ bản $\sin x = a$, $\cos x = a$, $\tan x = a$, $\cot x = a$ và công thức nghiệm 2. Về Kỹ năng: - Giải thành thạo phương trình lượng giác cơ bản Biết sử dụng máy tính bỏ túi để tìm nghiệm gần đúng của phương trình lượng giác cơ bản.
	9			2. Phương trình $\tan x = a$ 3. Phương trình $\cot x = a$					
4	10	Bài2: Phương trình lượng giác cơ bản.	Bài tập	1. Kiến thức: - Ôn lại cách giải của các phương trình LG cơ bản $\sin x = a; \cos x = a; .$ $\tan x = a; \cot x = a$ - Nắm vững ghi nghiệm của các PTLG cơ bản $\sin x = a; \cos x = a; .$ $\tan x = a; \cot x = a$					
	11		Bài tập		2. Kỹ năng: học sinh có khả năng: - Vận dụng thành thạo cách ghi nghiệm của các phương trình LG cơ bản. - Biết cách biểu diễn nghiệm của các phương trình LG cơ bản trên đường tròn LG.				
5	12			Bài tập					
	13			Bài 3: Một số phương trình lượng giác thường gặp.					I. Phương trình bậc nhất đối với một hàm số lượng giác
14	II. Phương trình bậc hai đối với một hàm số lượng giác	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình	HĐ 1, 2, 3, 4, 5, 6 Tự học có hướng dẫn						

	15				<ul style="list-style-type: none"> - Biết được dạng PT và cách giải PT bậc hai đối với một hàm số lượng giác, PT qui về PT bậc hai đối với một hàm số lượng giác. - Biết được dạng PT và cách giải PT bậc nhất đối với $\sin x$ và $\cos x$, PT thuần nhất bậc hai đối với $\sin x$ và $\cos x$. 		<ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm. 	Mục I.3 và mục II.3 Tự học có hướng dẫn Bài tập 4c, 4d; 6 Không yêu cầu HS làm
6	16			Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Giải được một số dạng phương trình lượng giác khác 			
	17			Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng chọn nghiệm trong khoảng để làm bài trắc nghiệm 			
	18			Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm điều kiện để phương trình có nghiệm. 			
	19			Bài tập				
7	20		<i>Ôn tập chương 1</i>	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Ôn tập lại cho học sinh các kiến thức về hàm số, tính chẵn lẻ, sự biến thiên, tập giá trị, tập xác định, chu kỳ và đồ thị của hàm số lượng giác.</p> <p>- Ôn tập cho học sinh các dạng phương trình lượng giác.</p> <p>2. Kỹ năng: - Học sinh thành thạo trong việc tìm tập xác định, tính chẵn lẻ, tìm chu kỳ, tìm giá trị của hàm số lượng giác.</p> <p>- Học sinh thành thạo trong việc giải phương trình lượng giác.</p>	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.. 	Bài tập 3, 5b, 5d và bài tập TNKQ Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 40): 1, 2, 4, 5a, 5c. Nếu sử dụng bài tập trắc nghiệm thì cần chỉnh sửa về kỹ thuật biên soạn
	21			Bài tập				
8	22	Chương II. TỔ HỢP và XÁC SUẤT (<i>Bài 1: Quy tắc đếm.</i>	I. Quy tắc cộng.	<p>1. Kiến thức: Biết được thế nào là qui tắc cộng, thế nào là qui tắc nhân</p> <p>2. Về kỹ năng: Biết vận dụng được các qui tắc cộng và nhân để giải một số bài toán</p>	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình 	HĐ1 Tự học có hướng dẫn
	II. Ví dụ áp dụng.			III. Quy tắc nhân				
	23							

		Tổng số tiết: 16)					- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Bài tập cần làm (trang 46): 1,2,3,4.
	24		Bài 2: Hoán vị - chỉnh hợp – tổ hợp	I. Hoán vị.	1. Kiến thức: - Hình thành các khái niệm hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. Xây dựng các công thức tính số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. - Hiểu các khái niệm đó, phân biệt sự giống và khác nhau giữa chúng.	4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HĐ4,5 Tự học có hướng dẫn Mục III.3. Ví dụ 7 Tự học có hướng dẫn Bài tập 5 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 54): 1,2,3,6.
	25			II. Chỉnh hợp				
9	26			Bài tập	1. Kiến thức : - Khái niệm hoán vị, số hoán vị, chỉnh hợp, số chỉnh hợp, tổ hợp, số tổ hợp, các công thức tính .			
	27			Bài tập	2. Kỹ năng : - Vận dụng hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp vào giải bài toán thực tế . - Dùng máy tính tính hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp			
	28	Kiểm tra giữa kì	Kiểm tra 1 tiết	Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS.	1	Kiểm tra trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận	Tự luận và trắc nghiệm	
10	29	Bài 3: Nhị thức Niu- ton.	I. Công thức nhị thức Niu- ton:	1. Kiến thức: - HS nắm được công thức nhị thức Niu- ton. - Hệ số của khai triển nhị thức Niu- ton qua tam giác Paxcan.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình	HĐ 1, HĐ 2 Mục I. Ví dụ 3 Mục II	
	30		Bài tập					

					<p>2. Kỹ năng: - Biết khai triển nhị thức Niu-ton với số mũ cụ thể.</p> <p>- Tìm được hệ số của đa thức khi khai triển $(a+b)^n$.</p> <p>- Điền được hàng sau của nhị thức Niu-ton khi biết hàng ở ngay trước đó.</p>		- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Tự học có hướng dẫn Bài tập 6 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 57): 1,2,5.
11	31	Bài 4: Phép thử và biến cố.	I. Phép thử, không gian mẫu.	<p>1. Kiến thức - Biết được phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên.</p> <p>- Biết được các khái niệm: Biến cố hợp; Biến cố xung khắc; Biến cố đối; Biến cố giao.</p> <p>2. Kỹ năng - Xác định được: phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên.</p>	2	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>	<p>Bài tập 1, 3, 5, 7 Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 63): 2,4,6</p>	
	32		II. Biến cố: III. Phép toán trên các biến cố:					
	33	Bài 5: Xác suất của biến cố.	I. Định nghĩa cổ điển của xác suất:	<p>1. Kiến thức. - Biết định nghĩa cổ điển của xác suất, tính chất của xác suất, công thức nhân xác suất; hiểu ý nghĩa của phép tính xác suất trong thực tế.</p> <p>- Biết vận dụng định nghĩa và tính chất của xác suất để giải quyết các bài toán xác suất cơ bản</p> <p>2. Kỹ năng - Xác định được: phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên.</p>	3	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>	<p>HD1, 2 Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 74): 1,4,5.</p>	
34	II. Tính chất của xác suất: III. Biến cố đối, công thức nhân xác suất:							
35	Bài tập							
12	36	Ôn tập chương II.	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Các kiến thức đã học trong chương II</p> <p>2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh</p> <p>- Biết vận dụng quy tắc cộng, quy tắc nhân và các khái niệm hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp vào giải toán</p>	2	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>	<p>Bài tập cần làm (trang 76): 1,2,3,4,5,7.</p>	
	37		Bài tập					
13	37							

					- Mô tả được không gian mẫu, xác định đúng các biến cố và tính được xác suất của biến cố.			
14	38	Chương III. DÃY SỐ – CẤP SỐ CỘNG VÀ CẤP SỐ NHÂN (Tổng số tiết: 10))	Bài 1: Phương pháp quy nạp toán học.	1. Phương pháp quy nạp toán học	1. Kiến thức: - Hiểu được nội dung của phương pháp qui nạp toán học gồm hai bước theo một trình tự qui định. 2. Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng chứng minh một mệnh đề có chứa số tự nhiên n bằng phương pháp qui nạp	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HD 3 học sinh tự làm Bài tập 2, 3 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 82): 1,4,5.
	2. Ví dụ áp dụng.			Bài tập				
	40		Bài 2: Dãy số.	I. Định nghĩa.	1. Kiến thức: - Học sinh nắm được khái niệm dãy số, cách cho dãy số, dãy số tăng, giảm, bị chặn. 2. Kỹ năng: - Nhận biết được dãy hữu hạn, dãy vô hạn, dãy truy hồi. - Biết cách biểu diễn hình học của dãy số - Tìm số hạng thứ n của dãy số; số hạng tổng quát; xét tính chất tăng, giảm, bị chặn.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HD 2, 3, 5, Ví dụ 6 Tự học có hướng dẫn Bài tập 3 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 92): 1,2,4,5.
	41			II. Cách cho một dãy số.				
15	42	Bài 3: Cấp số cộng.	I. Định nghĩa	1. Kiến thức: Nắm vững định nghĩa, công thức số hạng tổng quát, tính chất các số hạng và công thức tính tổng n số hạng đầu của cấp số cộng 2. Kỹ năng: - có tư duy về qui luật của dãy số - Biết vận dụng các công thức và tính chất để giải các bài toán về cấp số cộng	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Ví dụ 1, HD 3, 4 Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 97): 2,3,5.	
	43		II. Số hạng tổng quát:					IV. Tổng n số hạng đầu của một cấp số cộng:
16	44	Bài 4: Cấp số nhân.	I. Định nghĩa	1. Kiến thức - Biết được khái niệm cấp số nhân, tính chất của cấp số nhân và công thức tính số hạng tổng quát. - Nắm vững công thức tính tổng n số hạng đầu của một cấp số nhân.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp	HD 5 Tự học có hướng dẫn Bài tập 1, 4, 6 Không yêu cầu HS làm	
	45		II. Số hạng tổng quát:					IV. Tổng n số hạng đầu của một cấp số nhân:

					<p>2. Kỹ năng - Dựa vào định nghĩa để nhận biết một cấp số nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm được số hạng tổng quát của một cấp số nhân trong các trường hợp không phức tạp. - Tính được tổng n số hạng đầu của một cấp số nhân. - Vận dụng kiến thức để giải một số bài toán thực tế. 		với hoạt động nhóm.	Bài tập cần làm (trang 103): 2,3,5
	46	Ôn tập chương 3.	Bài tập	<p>1. Kiến thức - Củng cố lại cho HS các kiến thức đã học trong chương về: Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được và sử dụng thành thạo các định nghĩa, tính chất, định lý và các công thức trong chương. <p>2. Kỹ năng - Biết: CM một mệnh đề bằng PPQNTH, cách cho một dãy số, xét tính tăng giảm và bị chặn của một dãy số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết: Xác định các yếu tố còn lại của một cấp số cộng, cấp số nhân khi biết một vài yếu tố khác như: n, u1, d (q), Sn, un. 	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm. 	Bài tập 5, 11, 13,15,18,19: Không yêu cầu Bài tập cần làm (trang 107): 5,6,7,8,9.	
	47		Bài tập					
18	48	Kiểm tra học kỳ 1	Kiểm tra học kỳ 1	Thông qua bài làm của HS: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS. 	1	Kiểm tra theo hình thức TNKQ +TL		
19	49	Chương IV. GIỚI HẠN (Tổng số tiết: 14)	Bài 1: Giới hạn của dãy số.	<p>I. Giới hạn hữu hạn của dãy số.</p> <p>1. Kiến thức :-Khái niệm giới hạn của dãy số thông qua ví dụ cụ thể, các định nghĩa và một vài giới hạn đặc biệt.</p> <p>-Biết không chứng minh : + Nếu</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp 	HĐ 1, 2 HS tự làm VD 1, 6 HS tự đọc Bài tập 1, 2, 4, 6 Không yêu cầu HS làm	
20	50		II. Định lí về giới hạn hữu hạn .					

			III. Tổng của cấp số nhân lùi vô hạn	$\lim u_n = L, u_n \geq 0$ với mọi n thì $L \geq 0$ và $\lim \sqrt[n]{u_n} = \sqrt[n]{L}$; $\lim(u_n \pm v_n), \lim(u_n \cdot v_n), \lim\left(\frac{u_n}{v_n}\right)$		với hoạt động nhóm.	Bài tập cần làm (trang 121): 3,5,7.
21	51		IV. Giới hạn vô cực.	- Biết khái niệm cấp số nhân lùi vô hạn và công thức tính tổng của nó.			
22	52		Bài tập	2.Kỹ năng : - Biết vận dụng $\lim \frac{1}{n} = 0; \lim \frac{1}{\sqrt{n}} = 0;$ $\lim q^n = 0$ với $ q < 1$ - Tìm được tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn.			
23	53	Bài 2: Giới hạn của hàm số.	I.Giới hạn hữu hạn của hàm số tại một điểm:	1. Kiến thức: - biết khái niệm giới hạn của hàm số. - Nắm được định lý về giới hạn hữu hạn của hàm số.	5	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HĐ 1, 3 HS tự làm Bài tập 1, 2, 5 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 132): 3,4,6
	II. Giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực.		2. Kỹ năng: - Trong một số trường hợp đơn giản tính được: - Giới hạn của hàm số tại một điểm. - Giới hạn một bên của hàm số. - Giới hạn của hàm số tại vô cực.				
54	III.Giới hạn vô cực của hàm số		1. Kiến thức: - củng cố các định nghĩa giới hạn của hàm số. - củng cố các định lý, các qui tắc về giới hạn của hàm số.				
55	Bài tập.		2. Kỹ năng: - Biết vận dụng các định lý, các qui tắc vào việc tính các giới hạn dạng đơn giản.				
24	56		Bài tập.				
25	57	Bài 3 : Hàm số liên tục.	I. Hàm số liên tục.	1. Kiến thức : - Biết khái niệm hàm số liên tục tại 1 điểm, hàm số liên tục trên 1 khoảng, các định lý cơ bản 2. Kỹ năng: - Biết ứng dụng các định lý nói trên để xét tính liên tục của một hàm số đơn giản.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá	HĐ 1, 3, 4 Tự học có hướng dẫn Bài tập 4, 5 Không yêu cầu HS làm
	58		II. Hàm số liên tục trên một khoảng.				
26	59		III,Một số định lý cơ bản.				
			Bài tập.				

					- Biết chứng minh một phương trình có nghiệm dựa vào định lý về hàm số liên tục.		nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Bài tập cần làm (trang 140):1,2,3,6
	60		Ôn tập chương 4.	Bài tập.	1. Kiến thức : - biết các định nghĩa, định lý, qui tắc và các giới hạn đặc biệt. 2. Kỹ năng: có khả năng áp dụng các kiến thức lí thuyết ở trên vào các bài toán thuộc các dạng cơ bản	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Bài tập 2, 6, 9, 10, 11, 15 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 141): 3,5,7,8
27	61			Bài tập.				
	62		Kiểm tra giữa kỳ	Giải tích và hình học	Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS.	1	Kiểm tra theo hình thức TNKQ+Tự luận	
28	63	Chương V. ĐẠO HÀM (Tổng số tiết: 16)	Bài 1: Định nghĩa và ý nghĩa của đạo hàm.	I. đạo hàm tại một điểm. 1. Các bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm: 2. Định nghĩa đạo hàm. 3. Qui tắc tính đạo hàm. 4. Quan hệ giữa đạo hàm và tính liên tục của hàm số.	1. Kiến thức: - Biết định nghĩa đạo hàm (tại một điểm, trên một khoảng). 2. Kỹ năng: - Tính được đạo hàm của hàm số lũy thừa, hàm số đa thức bậc 2 hoặc bậc 3 theo định nghĩa. - Viết được phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số tại một điểm thuộc đồ thị. - Biết tìm vận tốc tức thời tại một điểm của chuyển động có phương trình $S = f(t)$.	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Mục 1. Các bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm. HS tự đọc HĐ 3,4 Tự học có hướng dẫn Phần chứng minh Định lý 2 HS tự đọc Bài tập 4 Không yêu cầu HS làm Bài tập 5, 6 Chuyên về sau §2. Quy tắc tính đạo hàm
	64			5. Ý nghĩa hình học của đạo hàm: 6. Ý nghĩa vật lí của đạo hàm: II. Đạo hàm trên một khoảng:				
29	65			Bài tập	1. Kiến thức: - Định nghĩa đạo hàm của hàm số tại một điểm, trên một khoảng.			

					<p>- Ý nghĩa hình học của đạo hàm, phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số.</p> <p>2. Kỹ năng: - Cách tính đạo hàm tại của hàm số bằng định nghĩa.</p> <p>- Cách viết phương trình tiếp tuyến.</p>			Bài tập cần làm (trang 156): 2,3a,5,7
	66		<p>Bài 2: Quy tắc tính đạo hàm.</p>	<p>I. Đạo hàm của một hàm số thường gặp..</p> <p>II. Đạo hàm của Tổng, Hiệu, Tích, Thương các hàm số.</p>	<p>1. Kiến thức: - Biết quy tắc tính đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương các hàm số; hàm hợp và đạo hàm của hàm hợp.</p> <p>- Nắm được các công thức đạo hàm của các hàm số thường gặp.</p> <p>2. Kỹ năng:- Tính được đạo hàm của các hàm số được cho dưới dạng tổng, hiệu, tích, thương.</p>	3	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>	<p>HD 1, 2, 4, 5, 6</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Phần chứng minh các Định lí 1, 2, và 3 HS tự đọc</p> <p>- bài tập Bổ sung bài tập 5, 6 của §1. Định nghĩa và ý nghĩa đạo hàm</p> <p>- Bổ sung bài tập 1,4a, 4b, 4c của §3. Đạo hàm của hàm số lượng giác</p> <p>- Không yêu cầu HS làm bài tập 1</p> <p>Bài tập cần làm (trang 141): 3,5,7,8 và bài Bài tập 5,6 của bài 1</p>
	67	<p>III. Đạo hàm của hàm số hợp.</p>						
	68	<p>Bài tập</p>						
30								

31	69			1. Giới hạn của $\frac{\sin x}{x}$:	1. Về kiến thức: - Biết (không chứng minh) $\lim_{x \rightarrow 0} \frac{\sin x}{x} = 1$ - Biết đạo hàm của hàm số lượng giác. 2. Về kỹ năng: - Tính được đạo hàm của các của một số hàm số lượng giác.		- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HD 1,4 , ví dụ 1,2 Tự học có hướng dẫn Phần chứng minh định lí 2 HS tự đọc Bài tập Chuyển bài tập 1, 4a, 4b, 4c lên §2. Quy tắc tính đạo hàm Không yêu cầu HS làm bài tập 2, 5, 8 Bài tập cần làm (trang 168): 3,6,7
	70			2. Đạo hàm hàm số $y = \sin x$.				
32	71		Bài 3: Đạo hàm của hàm số lượng giác.	3. Đạo hàm số $y = \cos x$.		3		
	72			4. Đạo hàm số $y = \tan x$ 5. Đạo hàm số $y = \cot x$ Bài tập.				
33	72		Bài 4: Vi phân	1. Định nghĩa: 2. Ứng dụng đạo hàm vào phép tính gần đúng:	1. Kiến thức: - Biết và nắm vững định nghĩa vi phân của một hàm số: $dy = f'(x) \Delta x$ hay $dy = f'(x) dx$	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Mục 2. Ứng dụng vi phân vào phép tính gần đúng Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 171): 1,2
	73			1. Đạo hàm cấp hai : 2. Ý nghĩa cơ học của đạo hàm cấp 2 3. Đạo hàm cấp cao :	1. kiến thức : Biết định nghĩa đạo hàm cấp hai. 2. kỹ năng : Tính được đạo hàm cấp hai của một số hàm số. - Gia tốc tức thời của một chuyển động có phương trình $S = f(t)$ cho trước.			
74	Bài 1:	Bài tập						
34	75					2		

				Bài tập	1. Kiến thức: - Nắm vững các công thức tìm đạo hàm các thường gặp, đạo hàm các hàm số lượng giác và đạo hàm cấp cao. - Nắm vững các ý nghĩa hình học và ý nghĩa cơ học của đạo hàm		- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Các bài tập 3, 4, 6, 9 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 176): 1,2,3,5,7.
	76		Ôn tập chương	Bài tập	2. Kỹ năng:- Giúp học sinh vận dụng thành thạo công thức tìm đạo hàm và ý nghĩa của đạo hàm vào việc giải các bài toán liên quan đến đạo hàm			
35	77		Ôn tập cuối năm	Bài tập	1. Kiến thức: -HS hệ thống lại kiến thức đã học cả năm, khắc sâu khái niệm công thức cần nhớ. 2. Kỹ năng:: -Vận dụng được các pp đã học và lý thuyết đã học vào giải được các bài tập - Hiểu và nắm được cách giải các dạng toán cơ bản.	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Bài tập 1c, 12, 14, 19, 20 Không yêu cầu HS làm
	78		Kiểm tra học kỳ 2	Kiểm tra học kỳ 2	Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS.	1	Tự luận và trắc nghiệm	

HÌNH HỌC 11

Tuần	Tiết	Chương	Tên Bài	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt (theo chương trình môn học)	Thời lượng (số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú	
1	1	CHƯƠNG I. PHÉP DỜI HÌNH VÀ PHÉP ĐỒNG DẠNG TRONG MẶT PHẪNG Tổng số tiết: 8	Ghép 2 bài Bài 1. Phép biến hình. Bài 2. Phép tịnh tiến.	Hình thành khái niệm phép biến hình I. Định nghĩa: II. các tính chất. III. Biểu thức tọa độ của phép tịnh tiến.	1. Kiến thức: - Xác định được đâu là một phép biến hình - Hiểu định nghĩa của phép tịnh tiến; - Hiểu Phép tịnh tiến có các tính chất của phép dời hình; - Biểu thức tọa độ của phép tịnh tiến. 2. Kỹ năng. Tìm được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác qua phép tịnh tiến.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HĐ1, HĐ2 Phép biến hình: tự học có hướng dẫn Bài tập 1, 4 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 7): ,2,3.	
	Bài tập								
2	2			phép đối xứng trục phép đối xứng tâm 1. Định nghĩa: 2. Tính chất và bài tập Sgk	1. Kiến thức: HS nắm chắc và hiểu rõ các kiến thức về phép đối xứng trục, phép đối xứng tâm. -Biết được định nghĩa phép quay, một số thuật ngữ và ký hiệu liên quan đến phép quay. - Biết biểu thức tọa độ của phép quay. Hiểu được tính chất cơ bản của phép quay là bảo toàn khoảng cách giữa hai điểm bất kì. 2. Kỹ năng - Dựng được ảnh của một điểm qua phép quay. Vận dụng được biểu thức tọa độ để xác định tọa độ ảnh của một điểm, phương trình đường thẳng là ảnh của một đường thẳng cho trước qua một phép quay.	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Tự học có hướng dẫn HĐ 1, 3 phép quay HS tự làm Bài tập cần làm (trang 19): 1,2.	
	Ghép 3 bài Bài 3: phép đối xứng trục Bài 4. phép đối xứng tâm Bài 5. Phép quay.								
3	3				1. Khái niệm về phép biến hình 2. Tính chất	1. Kiến thức -Biết được định nghĩa phép quay, một số thuật ngữ và ký hiệu liên quan đến phép dời hình.	1	- Tổ chức hoạt động	HĐ 1, 2, 3, 4, 5 Tự học có hướng dẫn Bài tập 2, 3
4	4			Bài 6. Khái niệm về phép dời					

			<i>hình và hai hình bằng nhau.</i>	3. Khái niệm hai hình bằng nhau	-Hiểu được tính chất cơ bản của phép dời hình. 2. Kỹ năng: - Dựng được ảnh của một điểm qua phép dời hình		học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 23): 1,3
5	5		Bài 7. Phép vị tự.	1. Định nghĩa 2. Tính chất 3. Tâm vị tự của hai đường tròn	1. Kiến thức: - Nắm được định nghĩa về phép vị tự, một số thuật ngữ và kí hiệu liên quan đến nó. Hiểu được phép vị tự hoàn toàn xác định khi biết tâm vị tự và tỉ số vị tự. Hiểu được tính chất cơ bản của phép vị tự, tâm vị tự của 2 đường tròn. 2. Kỹ năng: - Xác định ảnh của một điểm, hình đơn giản qua phép vị tự. Biết cách tìm tâm vị tự của hai đường tròn	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HD 1, 2, 3, 4 HS tự làm Mục III. Tâm vị tự của hai đường tròn HS tự đọc Bài tập 2, 3 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 29): 1,3.
6	6		Bài 8. Phép đồng dạng.	1. Định nghĩa 2. Tính chất 3. Hình đồng dạng	1. Kiến thức - Học sinh nắm vững định nghĩa phép đồng dạng, tỷ số đồng dạng, khái niệm hai hình đồng dạng - Học sinh hiểu được tính chất cơ bản của phép đồng dạng và một số ứng dụng cơ bản của phép đồng dạng 2. Kỹ năng: - Học sinh biết cách vận dụng định nghĩa và tính chất của phép đồng dạng vào giải bài tập. - Áp dụng tính chất để chứng minh hình đồng dạng.	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HD 1, 2, 3, 4, 5 Tự học có hướng dẫn Bài tập 1, 4 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 33): 2,3.
7	7		Ôn tập chương I.	Bài tập.	1. Kiến thức: - Giúp học sinh nắm được khái niệm phép biến hình : đồng nhất, phép tịnh tiến, phép đối xứng trục, phép đối xứng tâm, phép quay,	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt	Câu hỏi ôn tập chương I: Tự học có hướng dẫn Bài tập ôn tập chương I: 4, 5,

					phép vị tự và phép đồng dạng. Các tính chất của các phép biến hình. 2. Kỹ năng: Tìm ảnh của một điểm, một hình qua phép biến hình nào đó, thực hiện được nhiều phép biến hình liên tiếp.		động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	6, 7 : Không yêu cầu HS làm Câu hỏi trắc nghiệm chương I: 2, 7, 10 : Nếu sử dụng thì cần chỉnh sửa về kỹ thuật biên soạn Bài tập cần làm (trang 34): 1a, 1c, 2a, 2d, 3a, 3b, 6
9	8			Bài tập.				
9	9	Chương II. ĐƯỜNG THẲNG VÀ MẶT PHẪNG TRONG KHÔNG GIAN. QUAN HỆ SONG SONG. (Tổng số tiết: 18)	Bài 1. Đại cương về đường thẳng và mặt phẳng.	I. Khái niệm mở đầu II. Các tính chất thừa nhận.	1. Kiến thức: - Nắm được các khái niệm điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian thông qua hình ảnh của chúng trong thực tế; quy tắc vẽ hình biểu diễn của một hình trong không gian - Nắm được các tính chất thừa nhận, các cách xác định mặt phẳng, khái niệm và các yếu tố liên quan đến hình chóp, hình tứ diện 2. Kỹ năng: - Biết vận dụng các tính chất vào việc giải các bài toán hình học không gian đơn giản. - Nắm được phương pháp giải các loại toán đơn giản về hình chóp, hình hộp: tìm giao tuyến, tìm giao điểm, chứng minh 3 điểm thẳng chóp.	4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HĐ 1,2,4, 6: Tự học có hướng dẫn Bài tập 2, 3 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 53): 1,4,6,10
10	10			III. Cách xác định một mặt phẳng. IV. Hình chóp, hình tứ diện.				
11	11			Bài tập				
12	12			Bài tập				
13	13			Bài 2. Hai đường thẳng chéo nhau, hai đường thẳng song song.				
	14	Bài tập						

					<p>2. Kỹ năng: - Xác định được khi nào 2 đường thẳng song song, hai đường thẳng chéo nhau</p> <p>- Áp dụng được các định lý để chứng minh hai đường thẳng song song và xác định được giao tuyến của hai mặt phẳng lần lượt chứa hai đường thẳng song song</p>		hợp với hoạt động nhóm.	
14	15		Bài tập					
	16	Bài 3. Đường thẳng và mặt phẳng song song.	<p>1. Vị trí tương đối của đường thẳng và mặt phẳng</p> <p>2. Tính chất.</p>	<p>1. Kiến thức:-Vị trí tương đối của đường thẳng và mặt phẳng.</p> <p>-Đường thẳng song song với mặt phẳng.</p> <p>-Các tính chất của đường thẳng và mặt phẳng song song.</p> <p>2. Kỹ năng: -Xác định được khi nào đường thẳng song song với mặt phẳng.</p> <p>-Giao tuyến của mặt phẳng đi qua một đường thẳng song song với mặt phẳng đã cho.</p>	5	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>	<p>Bài tập cần làm (trang 63): 1,2,3.</p>	
15	17		<p>3. Hệ quả</p> <p>4. Định lý 3</p>					
	18		Bài tập					
16	19		Bài tập					
17	20	Bài 4. Hai mặt phẳng song song.	<p>I. Định nghĩa:</p> <p>II. Tính chất :</p>	<p>1. Kiến thức: - Biết khái niệm hai mặt phẳng song song, các vị trí tương đối của hai mặt phẳng.</p> <p>- Hiểu điều kiện để hai mặt phẳng song song (Định lý 1).</p> <p>- Biết định lý 2,3 và các hệ quả suy ra từ định lý đó.</p> <p>- Biết định lý Talet trong không gian.</p> <p>- Biết được hình lăng trụ, hình hộp, hình chóp cụt.</p> <p>2. Kỹ năng: - Vẽ được hình biểu diễn hai mặt phẳng song song, hình lăng trụ, hình hộp, hình chóp cụt.</p> <p>- Vận dụng được điều kiện để hai mặt phẳng song song để chứng minh hai mặt phẳng song song.</p> <p>- Vận dụng được kiến thức vào bài toán thực tế.</p>	4	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>	<p>HĐ 2; Mục IV, V Tự học có hướng dẫn</p> <p>Bài tập cần làm (trang 71): 2,3,4</p>	
	21		<p>III, Định lí Talet:</p> <p>IV, Hình lăng trụ và hình hộp.</p>					
	22		Bài tập					
18	23		Bài tập					

	24		Kiểm tra học kỳ 1	Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS.	1	Tự luận và trắc nghiệm	
19	25	Bài 5. Phép chiếu song song, hình biểu diễn của một hình học không gian	I. Phép chiếu song song: II. Các tính chất của phép chiếu song song:	1. Kiến thức :-Khái niệm phép chiếu song song; -Khái niệm hình biểu diễn của một hình không gian. 2. Kỹ năng : -Xác định được phương chiếu, mặt phẳng chiếu trong một phép chiếu song song. Vẽ được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác, một đường tròn qua một phép chiếu song song. -Vẽ được hình biểu diễn của một hình không gian.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HĐ 2,6 : tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 77): 1,2,3,4.
	26		III. Hình biểu diễn của một hình không gian trên mặt phẳng:				
20	27		Bài tập	- Chứng minh được đường và mặt song song. - Xác định giao điểm, giao tuyến của đường thẳng và mặt phẳng	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Câu hỏi ôn tập chương II Tự học có hướng dẫn
	28	CHƯƠNG III. VECTO TRONG KHÔNG GIAN. QUAN HỆ	Bài 1. Vec tơ trong không gian.	I. Định nghĩa và các phép toán 1. Kiến thức : - Hiểu rằng các vectơ đã được trình bày trong hình học phẳng vẫn còn đúng trong không gian. - Nắm được các định nghĩa: vectơ trong không gian, hai vectơ cùng phương, cùng hướng, ngược hướng, độ dài của	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân	HĐ 2, 3, 4, 5, 6, 7 Tự học có hướng dẫn Các bài tập 1, 5, 9, 10 Không yêu cầu HS làm

21	29	VUÔNG GÓC. <i>Tổng số tiết: 18</i>		II. Điều kiện đồng phẳng của 3 vectơ:	vectơ, hai vectơ bằng nhau, vectơ không. - Nắm được định nghĩa về sự đồng phẳng của ba vectơ và điều kiện để ba vectơ đồng phẳng. 2. Kỹ năng: - Biết thực hiện phép cộng, phép trừ vectơ trong không gian, phép nhân vectơ với một số, biết sử dụng qui tắc ba điểm, qui tắc hình hộp để tính toán.		nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Bài tập cần làm (trang 91): 2,3,4,6,7	
	30		Bài 2. Hai đường thẳng vuông góc	I. Tích vô hướng của hai vectơ trong không gian: II. Vectơ chỉ phương III. Góc giữa hai đường thẳng. IV. Hai đường thẳng vuông góc	1. Kiến thức: - Nắm được định nghĩa góc giữa hai vectơ trong không gian và tích vô hướng của hai vectơ trong không gian. - Nắm được định nghĩa vectơ chỉ phương của đường thẳng. - Nắm được định nghĩa hai đường thẳng vuông góc với nhau trong không gian. 2. Kỹ năng: - Biết xác định góc giữa hai đường thẳng trong không gian. Phân biệt được góc giữa hai vectơ và góc giữa hai đường thẳng. - Biết cách chứng minh hai đường thẳng vuông góc.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HĐ 2,3, 4 Tự học có hướng dẫn Bài tập 6, 7 Không yêu cầu HS làm Bài tập cần làm (trang 97): 1,2,4,6.	
22	31			Bài 3. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.	I. Định nghĩa: II. Điều kiện để đường thẳng vuông góc với III. Tính chất	1. Kiến thức: - Định nghĩa đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. - Các dấu hiệu nhận biết đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. - Định lý ba đường vuông góc. 2. Kỹ năng: - Biết cách chứng minh đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. - Biết cách xác định mặt phẳng đi qua một điểm cho trước và vuông góc với	4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với	HĐ 1, 2; Mục V.1 Phân chứng minh các định lý Bài tập 6, 7 Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 104): 3,4,5,8
	32				IV. Liên hệ giữa quan hệ song song và quan hệ vuông góc của đường thẳng và mp.				
23	33								

			V. Phép chiếu vuông góc và định lí ba đường vuông góc:	<p>một đường thẳng cho trước, đường thẳng đi qua một điểm cho trước và vuông góc với một mặt phẳng cho trước.</p> <p>- Biết sử dụng định lí ba đường vuông góc và biết xác định góc giữa đường thẳng và mặt phẳng.</p> <p>- Biết sử dụng mối quan hệ giữa song song và vuông góc để lập luận khi làm toán về hình học không gian.</p>		hoạt động nhóm.	
24	34		Bài tập				
25	35		Bài tập				
26	36	Bài 4. Hai mặt phẳng vuông góc.	I. Góc giữa hai mặt phẳng:	<p>1. Kiến thức: - Nắm được định nghĩa góc giữa hai mặt phẳng, từ đó nắm được định nghĩa hai mặt phẳng vuông góc.</p> <p>- Nắm được điều kiện cần và đủ để hai mặt phẳng vuông góc với nhau.</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm. 	HD 1, 3, 4; Mục IV.2 Phần chứng minh Định lí 1 và 2 Tự học có hướng dẫn Bài tập 4, 11 HS tự làm Bài tập cần làm (trang 113): 3,,5,8.
27	37		<p>II. Hai mặt phẳng vuông góc.</p> <p>III. Hình lăng trụ đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương.</p>	<p>- Nắm được định nghĩa hình lăng trụ đứng, chiều cao của hình lăng trụ đứng và các tính chất của hình lăng trụ đứng.</p> <p>- Nắm được định nghĩa hình chóp đều, hình chóp cụt đều và các tính chất của các hình đó.</p> <p>2. Kỹ năng: - Biết vận dụng các định lí về hai mặt phẳng vuông góc để giải các bài toán hình học không gian.</p>			
28	38		Bài tập.				
29	39	Bài 5. Khoảng cách.	I. Định nghĩa khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng, đến một mặt phẳng.	<p>1. Kiến thức: - Nắm được định nghĩa các loại khoảng cách trong không gian.</p> <p>- Nắm được các tính chất về khoảng cách.</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với 	HD 1,2,3,4,6 : tự học có hướng dẫn Bài tập 1, 6: học sinh tự làm Bài tập cần làm (trang 119): 2,4,8.
30	40		<p>II. Khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song, giữa hai mặt phẳng song song.</p> <p>III. Đường vuông góc chung và khoảng cách</p>	<p>- Nắm được mối liên hệ giữa các loại khoảng cách để đưa các bài toán phức tạp về các bài toán khoảng cách đơn giản.</p>			

				giữa hai đường thẳng chéo nhau.	2. Kỹ năng: - Biết cách tính khoảng cách trong các bài toán đơn giản. - Biết cách xác định đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau, đồng thời biết cách xác định khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau.		hoạt động nhóm.	
31	41			Bài tập				
32	42			Bài tập				
33	43		Ôn tập chương III	Bài tập	1. Kiến thức:- Nắm được định nghĩa và các tính chất về vectơ trong không gian; hai đường thẳng vuông góc; đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; hai mặt phẳng vuông góc và khoảng cách. 2. Kỹ năng: - Biết áp dụng được lý thuyết vào giải các bài tập; Áp dụng được các phương pháp đã học vào giải các bài tập.	43	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Câu hỏi ôn tập Tự học có hướng dẫn Câu hỏi trắc nghiệm 1, 2, 4, 5, 6 7, 8, 9, 10 Nếu sử dụng thì cần chỉnh sửa về kĩ thuật biên soạn
34	44		Ôn tập cuối năm	- Ôn tập kiến thức đã học trong học kỳ 2	Giải được các dạng toán cơ bản đã học ở học kỳ 2	44	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Bài tập cần làm (trang 121): 3,6,7.
35	45		Kiểm tra học kỳ 2	Kiểm tra học kỳ 2	Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS.	1		Tự luận và trắc nghiệm

TỰ CHỌN

<i>Tuần</i>	<i>Tiết</i>	<i>Môn</i>	<i>Bài dạy</i>	<i>Nội dung</i>	Kiến thức, Kỹ năng	Hình thức tổ chức dạy học
1	1	Đại	Ôn tập phần lượng giác lớp 10	Bài tập	1. Kiến thức: Nhớ lại kiến thức về cung và góc lượng giác, công thức LG. 2. Kỹ năng: Tính GTLG, chứng minh công thức LG, rút gọn lượng giác.	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
2	2	Đại	Hàm số lượng giác	Bài tập	1. Kiến thức: Nhớ lại kiến thức về tập xác định và tập giá trị của các HSLG. 2. Kỹ năng: Tìm TXĐ và GTLN, GTNN của các hàm số lượng giác liên quan.	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
3	3	hình	Phép tịnh tiến và phép đối xứng trục	Bài tập	1. Kiến thức: Nhớ lại kiến thức về phép tịnh tiến. 2. Kỹ năng: Xác định ảnh của điểm, đường thẳng, đường tròn qua phép tịnh tiến.	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
4	4	Đại	Phương trình lượng giác	Bài tập	1. Kiến thức: Nhớ lại kiến thức về PTLG 2. Kỹ năng: Tìm nghiệm của một số PTLG cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
5	5	Đại	Phép quay. Phép vị tự	Bài tập	1. Kiến thức: Nhớ lại kiến thức về phép dời hình. 2. Kỹ năng: xác định ảnh qua phép dời hình	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
6	6		Phương trình lượng giác	Bài tập	1. Kiến thức: Nhớ lại kiến thức về PTLG thường gặp 2. Kỹ năng: Tìm nghiệm của một số PTLG thường gặp.	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
7	7	Đại	Phương trình lượng giác	Bài tập	1. Kiến thức: Nhớ lại kiến thức về HSLG và PTLG. 2. Kỹ năng: Tìm tập xác định, tập giá trị của HSLG, tìm nghiệm của một số PTLG.	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm

8	8	Đại	Phép đồng dạng	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Nhớ lại kiến thức về phép dời hình và phép đồng dạng</p> <p>2. Kỹ năng: xác định ảnh qua phép dời hình và đồng dạng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
9	9	Đại	Chỉnh hợp và tổ hợp	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Củng cố:- Khái niệm, chỉnh hợp, tổ hợp; <i>các công thức tính số, chỉnh hợp, tổ hợp.</i></p> <p>- <i>Phân biệt sự khác nhau giữa các khái niệm, chỉnh hợp, tổ hợp.</i></p> <p>2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vận dụng, chỉnh hợp, tổ hợp vào giải toán.</p> <p>- Kỹ năng phân biệt, chỉnh hợp, tổ hợp.</p> <p>- <i>Biết vận dụng chỉnh hợp, tổ hợp để giải các bài toán thực tiễn.</i></p> <p>- <i>Biết khi nào dùng tổ hợp, chỉnh hợp và phối hợp chúng với nhau để giải toán.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
10	10	hình	Nhị thức niuton	Bài tập	<p>1 Kiến thức: - Nắm đ- ọc hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp.</p> <p>- Nắm đ- ọc công thức số các hoán vị, tổ hợp, chỉnh hợp</p> <p>2 Kỹ năng:- Rèn luyện kỹ năng vận dụng hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp vào giải toán.</p> <p>- Kỹ năng phân biệt hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
11	11	Đại	Phép thử và biến cố	Bài tập	<p>1.Kiến thức: - Hs hiểu rõ về phép thử và biến cố</p> <p>- Xác suất của một biến cố.</p> <p>2.Kỹ năng: - Biết mô tả và xác định các biến cố.</p> <p>- Biết xác định một số các phép toán trên các biến cố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
12	12	hình	Xác suất	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Không gian mẫu của một biến cố.</p> <p>- Xác suất của một biến cố.</p> <p>2. Kỹ năng: - Tính xác suất của một biến cố trong một bài toán cụ thể.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
13	13	Đại	Đường thẳng và mặt phẳng	Bài tập	<p>1.Kiến thức: - Khái niệm mặt phẳng, cách xác định mặt phẳng.</p> <p>- Định nghĩa đ- ờng thẳng song song, đ- ờng thẳng chéo nhau trong không gian.</p> <p>- Đ- ờng thẳng song song với mặt phẳng, hai mặt phẳng song song, định lí Ta let.</p> <p>- Phép chiếu song song, hình biểu diễn.</p> <p>2.Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng xác định giao tuyến của hai mặt phẳng.</p> <p>- Rèn luyện kỹ năng chứng minh ba điểm thẳng hàng, tìm giao điểm của đ- ờng thẳng và mp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm

14	14	hình	Hai đường thẳng chéo nhau, Hai đường thẳng song song	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Nắm vững khái niệm hai đường thẳng song song và hai đường thẳng chéo nhau trong không gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng các định lý : + Qua một điểm không thuộc một đường thẳng cho trước có một và chỉ một đường thẳng song song với đường thẳng đã cho. + Định lý về giao tuyến của ba mặt phẳng và hệ quả của định lý đó + Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì song song với nhau. <p>2. Kỹ năng:- Xác định được vị trí tương đối giữa hai đường thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách chứng minh hai đường thẳng song song 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
15	15	hình	Dãy số	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Củng cố:- Khái niệm dãy số, cách cho dãy số, các tính chất tăng, giảm và bị chặn của dãy số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách biểu diễn hình học của dãy số. - Khái niệm cấp số cộng, công thức tính số hạng tổng quát, tính chất của các số hạng và công thức tính tổng n số hạng đầu tiên của cấp số cộng. <p>2. Kỹ năng: - Biết cách giải các bài tập về dãy số như tìm số hạng tổng quát, xét tính tăng, giảm và bị chặn của dãy số.</p> <p>Biết sử dụng các công thức và tính chất của cấp số cộng để giải</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
16	16	Đại	Cấp số cộng	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Học sinh nắm vững:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa dãy số .Số hạng tổng quát của cấp số cộng. - Tính chất của CSC, tổng n số hạng đầu của một CSC <p>2. Kỹ năng: - Giải các bài toán về dãy số như: Tính đơn điệu, tính bị chặn,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kỹ năng tính toán về cấp số cộng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
17	17	Đại	Cấp số Nhân	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Học sinh nắm vững:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa dãy số là cấp số nhân .Số hạng tổng quát của cấp số nhân. - Tính chất của CSN, tổng n số hạng đầu của một CSN <p>2. Kỹ năng: - Giải các bài toán về dãy số như: Tính đơn điệu, tính bị chặn,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kỹ năng tính toán về cấp số nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
18	18	Đại + hình	Ôn thi học kì 1	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Kiểm tra, đánh giá kiến thức của học sinh về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa, tính chất và biểu thức tọa độ của phép tịnh tiến, phép quay, phép dời hình. - Các tính chất và cách chứng minh hai đường thẳng song song, đường song song với mặt, hai mặt phẳng song song.. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm

					<p>- Các tính chất và cách chứng minh hai đường thẳng vuông góc, đường vuông góc với mặt, hai mặt phẳng vuông góc.</p> <p>2. Kỹ năng: - Kiểm tra, đánh giá về kỹ năng vẽ hình, tính toán.</p>	
19	19	Đại	Ôn tập chương 2	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Làm cho HS hiểu sâu sắc hơn về kiến thức cơ bản về qua hệ song song trong không gian và bước đầu hiểu được một số kiến thức mới về quan hệ song song trong không gian .</p> <p>2. Kỹ năng: Tăng cường rèn luyện kỹ năng giải toán về qua hệ song song. Thông qua việc rèn luyện giải toán HS được củng cố một số kiến thức đã học trong chương trình và tìm hiểu một số kiến thức mới trong chương trình nâng cao.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>
20	20	hình	Giới hạn của dãy số	Bài tập	<p>1. Kiến thức . -Hiểu đ- ọc khái niệm giới hạn của dãy số .Biết giới hạn đặc biệt của của dãy số và vận dụng nó vào việc giải một số bài toán đơn giản liên quan đến giới hạn .</p> <p>-Nắm đ- ọc các định lý về giới hạn trình bày trong sgk và biết vận dụng chúng để tính giới hạn của các dãy số đơn giản .</p> <p>-Nắm đ- ọc khái niệm cấp số nhân lùi vô hạn và công thức tính tổng của nó .</p> <p>-Nắm đ- ọc định nghĩa giới hạn vô cực , các giới hạn đặc biệt và định lý về giới hạn vô cực</p> <p>2 .Kỹ năng : -Vận dụng đ- ọc các kiến thức vào giải một số bài toán tìm giới hạn đơn giản</p> <p>-Tìm đ- ọc giới hạn của các dãy số d- ới các dạng vô định .</p> <p>-Vận dụng đ- ọc kiến thức vào giải một số bài toán liên quan .đặc biệt là liên quan đến cấp số nhân lùi vô hạn .</p> <p>-Tính đ- ọc tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>
21	21	hình	Giới hạn của dãy số	Bài tập	<p>1. Kiến thức . -Hiểu đ- ọc khái niệm giới hạn của dãy số .Biết giới hạn đặc biệt của của dãy số và vận dụng nó vào việc giải một số bài toán đơn giản liên quan đến giới hạn .</p> <p>-Nắm đ- ọc các định lý về giới hạn trình bày trong sgk và biết vận dụng chúng để tính giới hạn của các dãy số đơn giản .</p> <p>-Nắm đ- ọc khái niệm cấp số nhân lùi vô hạn và công thức tính tổng của nó .</p> <p>-Nắm đ- ọc định nghĩa giới hạn vô cực , các giới hạn đặc biệt và định lý về giới hạn vô cực</p> <p>2 .Kỹ năng : -Vận dụng đ- ọc các kiến thức vào giải một số bài toán tìm giới hạn đơn giản</p> <p>-Tìm đ- ọc giới hạn của các dãy số d- ới các dạng vô định .</p> <p>-Vận dụng đ- ọc kiến thức vào giải một số bài toán liên quan .đặc biệt là liên quan đến cấp số nhân lùi vô hạn .</p> <p>-Tính đ- ọc tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>

22	22	hình	Véc tơ trong không gian	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Quy tắc hình hộp để cộng vectơ trong không gian; - Khái niệm và điều kiện đồng phẳng của ba vectơ trong không gian.</p> <p>2. Kỹ năng: - Vận dụng được phép cộng, trừ vectơ, nhân vectơ với một số, tích vô hướng của hai vectơ, sự bằng nhau của hai vectơ trong không gian để giải bài tập. - Biết cách xét sự đồng phẳng hoặc không đồng phẳng của ba vectơ trong không gian.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>
23	23	Đại	Hai đường thẳng vuông góc	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Khái niệm vectơ chỉ phương của đường thẳng. -Khái niệm góc giữa hai đường thẳng.</p> <p>2. Kỹ năng:- Xác định được vectơ chỉ phương của đường thẳng, góc giữa hai đường thẳng. -Biết chứng minh hai đường thẳng vuông góc với nhau</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>
24	24	Đại	Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Biết được định nghĩa và điều kiện để đường thẳng vuông góc với mp; - Khái niệm phép chiếu vuông góc; - Khái niệm mặt phẳng trung trực của một đoạn thẳng.</p> <p>2. Kỹ năng: - Biết cách chứng minh một đường thẳng vuông góc với một mp, một đường thẳng vuông góc với một đường thẳng; - Xác định được vectơ pháp tuyến của một mặt phẳng. - Phát triển tư duy trừu tượng, trí tưởng tượng không gian - Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Bước đầu vận dụng được định lí ba đường vuông góc. - Xác định được góc giữa đường thẳng và mp. - Biết xét mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đthẳng và mp.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>
25	25	Đại	Giới hạn của hàm số	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Hiểu sâu hơn định nghĩa về giới hạn của hàm số, nắm chắc các phép toán về giới hạn của hàm số, áp dụng vào giải toán. Vận dụng vào thực tế, thấy mối quan hệ với bộ môn khác.</p> <p>2. Kỹ năng: Dùng định nghĩa để tìm giới hạn của hàm số, một số thuật tìm giới hạn của một số hàm số đặc biệt. Rèn kỹ năng tìm giới hạn của hàm số.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>
26	26	Đại	Hàm số liên tục	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Nắm vững khai niệm hàm số liên tục tại một điểm và vận dụng định nghĩa vào việc nghiên cứu tính liên tục của hàm số.</p> <p>2. Kỹ năng: Vận dụng định nghĩa, các tính chất trong việc xét tính liên tục của các hàm số.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>

27	27	hình	On tập chương 4	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Biết các khái niệm, định nghĩa, các định lý, quy tắc và các giới hạn dãy số, hàm số. Khắc sâu các khái niệm trên.</p> <p>2. Kỹ năng: Khả năng vận dụng lý thuyết vào giải các bài toán thuộc dạng cơ bản. Thành thạo cách tìm các giới hạn, xét tính liên tục của hàm số.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
28	28	Đại	Hai mặt phẳng vuông góc	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Làm cho HS hiểu sâu sắc hơn về kiến thức cơ bản về quan hệ vuông góc trong không gian và bước đầu hiểu được một số kiến thức mới về quan hệ vuông góc trong không gian trong chương trình nâng cao chưa được đề cập trong chương trình chuẩn.</p> <p>2. Kỹ năng: Tăng cường rèn luyện kỹ năng giải toán về quan hệ vuông góc trong không gian. Thông qua việc rèn luyện giải toán HS được củng cố một số kiến thức đã học trong chương trình chuẩn và tìm hiểu một số kiến thức mới trong chương trình nâng cao.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
29	29	Đại	Định nghĩa và ý nghĩa của đạo hàm	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Nắm được định nghĩa đạo hàm của hàm số tại một điểm, cách tính đạo hàm bằng định nghĩa. - Hiểu được đạo hàm của hàm số tại 1 điểm là 1 số xác định - Hiểu được mối quan hệ giữa tính liên tục của hàm số và sự tồn tại của đạo hàm. - Nắm vững ý nghĩa hình học của đạo hàm</p> <p>2. Kỹ năng: - Biết cách tính đạo hàm của hàm số bằng định nghĩa. - Biết cách viết phương trình tiếp tuyến của 1 đường cong</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
30	30	hình	Quy tắc tính đạo hàm	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Nắm được các công thức tính đạo hàm cơ bản - Nắm được các qui tắc tính đạo hàm tích, thương, căn bậc hai của x - Nắm được qui tắc tính đạo hàm hàm hợp</p> <p>2. Kỹ năng: - Biết cách tính đạo hàm bằng cách sử dụng các công thức trên - Vận dụng một cách linh hoạt các công thức vào việc tính đạo hàm - Rèn kỹ năng tính đạo hàm hàm hợp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
31	31	Đại	Đạo hàm các hàm số lượng giác	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Biết (không chứng minh): $\lim_{x \rightarrow 0} \frac{\sin x}{x} = 1$ - Biết đạo hàm của hàm số lượng giác.</p> <p>2. Kỹ năng: Tính được đạo hàm của các của một số hàm số lượng giác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm
32	32	Hình	Khoảng cách	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng, đến một đường thẳng - Khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song, giữa hai mặt phẳng song song. - Khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm

					<p>2. Kỹ năng: - Vận dụng được quan hệ vuông góc để tìm ra khoảng cách.</p> <p>- Biết biến đổi khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau về khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng.</p>	
33	33	Hình	Khoảng cách	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng, đến một đường thẳng</p> <p>- Khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song, giữa hai mặt phẳng song song.</p> <p>- Khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau.</p> <p>2. Kỹ năng: - Vận dụng được quan hệ vuông góc để tìm ra khoảng cách.</p> <p>- Biết biến đổi khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau về khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>
34	34	Đại	Vi phân	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Biết và nắm vững định nghĩa vi phân của một hàm số: $dy = f'(x)\Delta x$ hay $dy = f'(x) dx$</p> <p>2. Kỹ năng: - Áp dụng giải được các bài tập cơ bản trong SGK;</p> <p>- Ứng dụng được vi phân vào phép tính gần đúng.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>
35	35	Đại + Hình	Ôn tập cuối năm	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Hiểu được mạch kiến thức cơ bản trong chương V và IV.</p> <p>- Hiểu và vận dụng được các định nghĩa, tính chất, định lý trong chương.</p> <p>- Nắm chắc kiến thức của các bài : giới hạn của dãy số, giới hạn của hàm số, hàm số liên tục.</p> <p>2. Kỹ năng: - Tính được đạo hàm của hàm số theo định nghĩa</p> <p>- Vận dụng tốt các quy tắc tính đạo hàm tổng, hiệu, tích, thương các hàm số và cách tính đạo hàm của hàm số hợp.</p> <p>- Biết tính đạo hàm cấp cao của một số hàm số thường gặp.</p> <p>- Biết một số ứng dụng của đạo hàm và vi phân để giải những bài toán liên quan đến tiếp tuyến, vận tốc, gia tốc, tính gần đúng</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC

MÔN: TOÁN LỚP 12

Cả năm: 123 tiết	Đại số và giải tích 78 tiết	Hình học 45 tiết
Học kì I: 18 tuần 72tiết	48 tiết 12 tuần đầu x 3tiết = 36 tiết 6 tuần cuối x 2tiết = 12 tiết	24 tiết 12 tuần đầu x 1tiết = 12 tiết 6 tuần cuối x 2tiết = 12 tiết
Ôn tập và kiểm tra học kì I: 1 tuần		
Học kì II: 17 tuần 51 tiết	30 tiết 4 tuần đầu x 1 tiết = 4 tiết 13 tuần cuối x 2 tiết = 26 tiết	21 tiết 4 tuần đầu x 2 tiết = 8 tiết 13 tuần cuối x 1 tiết = 13 tiết
Ôn tập và kiểm tra học kì II: 1 tuần		

GIẢI TÍCH

Tuần	Tiết	Chương	Bài/chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt (theo chương trình môn học)	Thời lượng (số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
1	1	Chương I. Ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị hàm số (21 tiết)	Bài 1. Sự đồng biến, nghịch biến của hàm số	I. Tính đơn điệu của hàm số	1. Kiến thức: - Hiểu định nghĩa của sự đồng biến, nghịch biến của hàm số và mối liên hệ giữa khái niệm này với đạo hàm. - Nắm được qui tắc xét tính đơn điệu của hàm số.	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	- Mục 1: HD1 và ý 1: HS tự học có hướng dẫn Ví dụ 5: HS tự học có hướng dẫn Bài tập 5 tự học có hướng dẫn - Bài tập cần làm: 1a,1b,1c, 2a,2b,3.4.
	II. Quy tắc xét tính đơn điệu của hàm số			2. Kỹ năng: - Biết vận dụng qui tắc xét tính đơn điệu của một hàm số và dấu đạo hàm của nó.				
	Luyện tập			1. Kiến thức: - Củng cố định nghĩa hàm số đồng biến, nghịch biến trên khoảng, nửa khoảng, đoạn. - Củng cố điều kiện đủ để hàm số đồng biến, nghịch biến trên khoảng, nửa khoảng, đoạn.				

					<p>2. Kỹ năng: - Có kỹ năng thành thạo giải toán về xét tính đơn điệu của hàm số bằng đạo hàm.</p> <p>- Áp dụng được đạo hàm để giải các bài toán đơn giản.</p>		
2	4	Bài 2. Cực trị của hàm số	<p>I. Khái niệm cực đại, cực tiểu</p> <p>II. Điều kiện đủ để hàm số có cực trị</p>	<p>1. Kiến thức- Biết các khái niệm điểm cực đại, điểm cực tiểu, điểm cực trị của đồ thị hàm số.</p> <p>- Biết điều kiện đủ để có điểm cực trị của hàm số.</p> <p>2. Kỹ năng: Biết cách tìm điểm cực trị của hàm số.</p>	4	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm.</p>	<p>HĐ2, HĐ4, Tự học có hướng dẫn</p> <p>Bài tập 3 không yêu cầu</p> <p>Bài tập cần làm (trang 18): 1,2,4.</p>
	5		<p>III. Quy tắc tìm cực trị</p>				
	6		<p>Bài tập</p>				
7	<p>Bài tập</p>						
3	8	Bài 3. Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm số	<p>I. Định nghĩa</p>	<p>1. Kiến thức: - Biết các khái niệm GTLN, GTNN của hàm số trên một tập hợp số.</p> <p>- Biết cách tính GTLN, GTNN của hàm số trên một đoạn.</p> <p>2. Kỹ năng:- Biết cách tìm GTLN, GTNN của hàm số trên một đoạn, khoảng.</p>	3	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm.</p>	<p>HĐ1 và HĐ3</p> <p>Tự học có hướng dẫn</p> <p>Bài tập 5a không yêu cầu</p> <p>Bài tập cần làm (trang 23): 1,2,3.</p>
	9		<p>II. Cách tính GTLN, GTNN trên một đoạn</p>				
10	<p>Bài tập</p>						
4	11	Bài 4. Đường tiệm cận	<p>I. Đường tiệm cận ngang.</p> <p>II. Đường tiệm cận đứng.</p>	<p>1. Kiến thức - Nắm vững định nghĩa tiệm cận đứng, tiệm cận ngang của đồ thị hàm số.</p> <p>- Nắm được cách tìm các đường tiệm cận đứng, tiệm cận ngang của đồ thị hàm số.</p>	2	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p>	<p><i>HD 1,2 tự học có hướng dẫn.</i></p> <p><i>Bài tập cần làm: 1.2</i></p>

	12				<p>2. Kỹ năng - Thực hiện thành thạo việc tìm các đường tiệm cận của đồ thị hàm số.</p> <p>- Nhận thức được hàm phân thức hữu tỉ (không suy biến) có những đường</p>		- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	
5	13	<i>Bài 5. Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị hàm số</i>	<p>I. Sơ đồ khảo sát hàm số</p> <p>II. Khảo sát 1 số hàm đa thức và phân thức</p> <p>1. Hàm số bậc 3</p>	<p>1. Kiến thức :: - Học sinh biết được Sơ đồ khảo sát hàm số (tìm tập xác định, chiều biến thiên, cực trị, tìm tiệm cận, lập bảng biến thiên, vẽ đồ thị).</p> <p>- Học sinh biết đ- ọc các b- ớc khảo sát hàm trùng ph- ơng , nắm rõ các dạng của đồ thị hàm số</p> $y = ax^3 + bx^2 + cx + d \quad (a \neq 0)$	7		<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm</p>	Mục II. HĐ 1, HĐ 2, HĐ3, HĐ4, HĐ5. Ví dụ 4,6 tự học có hướng dẫn. Bài tập cần làm (trang 43): 5,6,7.
	14		<p>II. Khảo sát 1 số hàm đa thức và phân thức</p> <p>2. Hàm số bậc 4 trùng phương</p>	<p>- Hs nắm được ý nghĩa của việc vẽ đồ thị hàm số trong cuộc sống.</p> <p>- Cách xác định giao điểm của hai đường cong (đồ thị của hàm số).</p> <p>- Biện luận số nghiệm của phương trình theo tham số m.</p> <p>- Biết sơ đồ tổng quát để khảo sát hàm số : Tìm tập xác định ,chiều biến thiên , tìm cực trị , lập bảng biến thiên , tìm điểm đặc biệt , vẽ đồ thị</p>				
	15		<p>II. Khảo sát 1 số hàm đa thức và phân thức</p> <p>3. Hàm phân thức bậc nhất trên bậc nhất</p>	<p>- Học sinh nắm được các bước khảo sát hàm phân thức và nhận dạng đồ thị</p> $y = \frac{ax+b}{cx+d} \quad (cx+d \neq 0)$				
	16		<p>III. Sự tương giao của các đồ thị</p>	<p>- Hs nắm được ý nghĩa của việc vẽ đồ thị hàm số trong cuộc</p>				
	17		Bài tập	<p>2. Kỹ năng: - Biết được các dạng của đồ thị hàm số bậc ba.</p>				
6	18	Bài tập	<p>- Thực hiện được các bước khảo sát hàm số bậc ba</p> <p>- Vẽ đồ thị hàm số bậc ba đúng : chính xác và đẹp.</p>					
	19	Bài tập						
	20	Ôn tập chương I	<p>1. Kiến thức: Cùng cố:</p> <p>- Tính đơn điệu của hàm số.</p>	2		Bài tập 11,12 CH TNKQ 5		

	21			<ul style="list-style-type: none"> - Cực trị của hàm số, GTLN, GTNN của hàm số. - Đường tiệm cận. - Khảo sát hàm số. <p>Ôn tập chương I</p> <ul style="list-style-type: none"> 2. Kỹ năng: - Xác định thành thạo các khoảng đơn điệu của hàm số. - Tính được cực đại, cực tiểu của hàm số (nếu có). - Xác định được các đường tiệm cận của đồ thị hàm số (nếu có). - Lập bảng biến thiên và vẽ đồ thị hàm số một cách thành thạo. - Tính được GTLN, GTNN của hàm số. - Giải được một số bài toán liên quan đến khảo sát hàm số. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm. 	Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 45): 6,7,8,9	
8	22	Chương II: Hàm số lũy thừa – Hàm số mũ – hàm số logarit (26 tiết)	Bài 1. Lũy thừa	I. Khái niệm lũy thừa 1. Lũy thừa với số mũ nguyên 2. Phương trình $x^n = b$ 3. Căn bậc n	1. Kiến thức: - Khái niệm lũy thừa, lũy thừa với số mũ nguyên, phương trình $x^n = b$, căn bậc n. 2. Kỹ năng: - Biết cách áp dụng khái niệm lũy thừa vào giải một số bài toán đơn giản, đến tính toán thu gọn biểu thức, chứng minh đẳng thức lũy thừa.	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm. 	<i>HD 3 học sinh tự làm bài tập 3 không yêu cầu</i> HD 1,4,5,6 tự học có hướng dẫn
	23			I. Khái niệm lũy thừa 4. Lũy thừa với số mũ hữu tỉ II. Các tính chất của lũy thừa với số mũ thực				
	24			Bài tập				
9	25	Bài 2. Hàm số lũy thừa	I. Khái niệm II. Đạo hàm của hàm số lũy thừa III. Khảo sát hàm số lũy thừa	1. Kiến thức: Khái niệm hàm số lũy thừa, đạo hàm của hàm số lũy thừa, khảo sát hàm số lũy thừa $y = x^a$ 2. Kỹ năng: - Biết cách tìm tập xác định của hàm số lũy thừa, biết tính đạo hàm của hàm số lũy thừa, biết khảo sát các hàm số lũy thừa đơn giản, biết so sánh các lũy thừa.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm. 	HD 1,3 học sinh tự làm HD 2,3 tự học có hướng dẫn, Mục III tự học có hướng dẫn, GV tóm tắt các tính chất của hàm lũy thừa và giới thiệu về đồ thị.	
	26		Bài tập					

								Bài tập 4,5 không yêu cầu làm.
	27	Bài 3. Lôgarit	I. Khái niệm lôgarit II. Quy tắc tính lôgarit	1. Kiến thức: Học sinh cần nắm : + Định nghĩa lôgarit theo cơ số dương khác 1 dựa vào khái niệm lũy thừa. + Tính chất và các công thức biến đổi cơ số lôgarit + Các ứng dụng của nó.	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HD 1b,c,d ; 2a, 4, 6; ví dụ 6 tự học có hướng dẫn. -VD 9 học sinh tự học - Bài tập 4 không yêu cầu hs làm.	
	28		III. Đổi cơ số	+ Các ứng dụng của nó.				
	29		Bài tập	2. Kỹ năng: Giúp học vận dụng được định nghĩa, các tính chất và công thức đổi cơ số của lôgarit để giải các bài tập.				
10	30	Kiểm tra giữa kì	Theo thống nhất của nhóm và theo khung ma trận chung	Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS..	1	TNKQ và TL		
	31	Bài 3. Lôgarit	Bài tập	1. Kiến thức: Học sinh cần nắm : + Định nghĩa lôgarit theo cơ số dương khác 1 dựa vào khái niệm lũy thừa. + Tính chất và các công thức biến đổi cơ số lôgarit + Các ứng dụng của nó. 2. Kỹ năng: Giúp học vận dụng được định nghĩa, các tính chất và công thức đổi cơ số của lôgarit để giải các bài tập.	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	HD 1b,c,d ; 2a, 4, 6; ví dụ 6 tự học có hướng dẫn. -VD 9 học sinh tự học - Bài tập 4 không yêu cầu hs làm	
11	32	Bài 4 Hàm số mũ. Hàm số lôgarit	I. Hàm số mũ 1. Định nghĩa 2. Đạo hàm của hàm số mũ 3. Khảo sát hàm số mũ $y = a^x$ II. Hàm số lôgarit 1. Định nghĩa 2. Đạo hàm của hs lôgarit II. Hàm số lôgarit	1. Kiến thức: Khái niệm hàm số mũ, đạo hàm của hàm số mũ, khảo sát hàm số mũ, khái niệm hàm số lôgarit, đạo hàm của hàm số lôgarit, khảo sát hàm số lôgarit. 2. Kỹ năng: - Biết tìm tập xác định của hàm số mũ, đạo hàm của hàm số mũ, khảo sát hàm số mũ đơn giản. - Biết tìm tập xác định của hàm số mũ, đạo hàm của hàm số mũ, khảo sát hàm số lôgarit đơn giản.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	HD 1, Tự học có hướng dẫn Bài tập cần làm (trang 77): 2,3,5.	

				3. Khảo sát hàm số lôgarit			
	33			Bài tập			
12	34	<i>Bài 5. Phương trình mũ. Phương trình lôgarit</i>	I. PT mũ	<p>1. Kiến thức : Học sinh cần :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững cách giải các dạng phương trình mũ và lôgarit cơ bản. - Hiểu rõ các phương pháp thường dùng để giải phương trình mũ và phương trình lôgarit. <p>2. Kỹ năng : Giúp học sinh :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng thành thạo các phương pháp giải PT mũ và PT lôgarit vào bài tập. - Biết sử dụng các phép biến đổi đơn giản về lũy thừa và lôgarit vào giải PT. 	6	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm 	<p>HD 2,3,4,5,6 tự học có hướng dẫn. Bài tập cần làm (trang 84): 1,2,3,4.</p>
	35		II. PT lôgarit				
	36		Ví dụ				
13	37		Bài tập	<p>1. Kiến thức : Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách giải một số dạng phương trình mũ và phương trình lôgarit. <p>2. Kỹ năng: - Rèn luyện được kỹ năng giải phương trình mũ và lôgarit bằng các phương pháp đã học</p>			
	38		Bài tập				
14	39		Bài tập				
	40	<i>Bài 6. Bất phương trình mũ. Bất phương trình lôgarit</i>	I. BPT mũ	<p>1. Kiến thức : Nắm được cách giải các bpt mũ, bpt lôgarit dạng cơ bản, đơn giản. Qua đó giải được các bpt mũ, bpt lôgarit cơ bản, đơn giản</p> <p>2. Kỹ năng: Vận dụng thành thạo tính đơn điệu của hàm số mũ, lôgarit để giải các bpt mũ, bpt lôgarit cơ bản, đơn giản</p>	6	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm 	<p>Mục I.1 mục II.1 tự học có hướng dẫn phần minh họa bằng đồ thị HD 1,3,4 tự học có hướng dẫn. Bài tập cần làm (trang 89): 1,2</p>
15	41		II. BPT lôgarit				
	42		Ví dụ				
16	43		Bài tập	<p>1. Kiến thức : Hiểu phương pháp giải bpt mũ, bpt lôgarit và vận dụng để giải được các bpt mũ, bpt lôgarit</p> <p>2. Kỹ năng: giải được bất phương trình mũ và bất phương trình lôgarit</p>			
	44		Bài tập				
17	45	Bài tập					
	46	<i>Ôn tập chương 2</i>	Ôn tập hàm số lũy thừa, hàm số mũ	<p>1. Kiến thức: Qua bài học này giúp học sinh hệ thống các kiến thức về hàm số lũy thừa, mũ, lôgarit. Cụ thể:</p>	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. 	<p>Bài tập cần làm (trang 90): 4,5,6,7,8</p>

18	47			<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được định nghĩa lũy thừa với số mũ 0, Lũy thừa với số mũ nguyên, lũy thừa với số mũ hữu tỷ, lũy thừa với số mũ thực. - Phát biểu được định nghĩa, viết các công thức về tính chất của hàm số mũ. - Phát biểu được định nghĩa, viết các công thức về tính chất của lôgarit, lôgarit thập phân, lôgarit tự nhiên, hàm số lôgarit. 		Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	
				<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được định nghĩa, viết các công thức về tính chất của lôgarit, lôgarit thập phân, lôgarit tự nhiên, hàm số lôgarit. 			
	48		Kiểm tra học kì I	Kiểm tra học kỳ 1 Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS..	1	TNKQ và TL	
19	49			Chương III: Nguyên hàm tích phân (15 tiết)	Bài 1. Nguyên hàm	I. Nguyên hàm và tính chất	4
20	50	II. Phương pháp tính nguyên hàm					
21	51	Bài tập					
22	52	Bài tập					
23	53	I. Khái niệm tích phân					

				<p>II. Tính chất của tích phân</p>	<p>1. Kiến thức: Hiểu được khái niệm tích phân, diện tích hình thang cong, Biết các tính chất của tích phân. Nắm được các các phương pháp tính tích phân (phương pháp đổi biến số, phương pháp tích phân từng phần).</p> <p>2. Kỹ năng: Hiểu rõ khái niệm tích phân, biết cách tính tích phân, sử dụng thông thạo cả hai phương pháp tính tích phân để tìm tích phân của các hàm số.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm 	<p>HĐ1, ví dụ 1 tự học có hướng dẫn HĐ3 Học sinh tự làm Tính chất 3 không yêu cầu chứng minh. HĐ4,5 tự học có hướng dẫn.</p>
	54	<p>Bài 2. Tích phân</p>	<p>III. Phương pháp tính tích phân</p> <p>1. Phương pháp đổi biến số</p> <p>2. Phương pháp tích phân từng phần</p>					
24	55		Bài tập					
	56		Bài tập					
	57		Bài tập					
25	58	<p>Bài 3. Ứng dụng tích phân trong hình học</p>	<p>I. Tính diện tích hình phẳng</p>	<p>1. Về kiến thức:- Viết và giải thích được công thức diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số $y = f(x)$ và trục Ox, các đường thẳng $x = a$, $x = b$. Hình phẳng giới hạn bởi các đồ thị hàm số $y = f(x)$, $y = g(x)$ và các đường thẳng $x = a$, $x = b$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được công thức thể tích của một vật thể nói chung - Nắm được công thức thể tích khối tròn xoay, công thức của khối nón, khối nón cụt, khối trụ tròn xoay trong trường hợp vật thể quay xung quanh trục Ox <p>2. Về kỹ năng:- Áp dụng được công thức tính diện tích hình phẳng, thiết lập được công thức tính thể tích khối chóp, khối nón và khối nón cụt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng được tích phân để tính được thể tích nói chung và thể tích khối tròn xoay nói riêng 	4	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm 	<p>HĐ1, HĐ2., ví dụ 4 Mục II.2 Bài tập 3, 5 Tự học có hướng dẫn</p>	
26	59		<p>II. Tính thể tích</p> <p>III. Thể tích khối tròn xoay</p>					
	60		Bài tập					<p>1. Kiến thức: - Viết và giải thích được công thức diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số $y = f(x)$ và trục Ox, các đường thẳng $x = a$, $x = b$. Hình phẳng</p>

					giới hạn bởi các đồ thị hàm số $y = f(x)$, $y = g(x)$ và các đường thẳng $x = a$, $x = b$. 2. Kỹ năng:- Áp dụng được công thức tính diện tích hình phẳng, thiết lập được công thức tính thể tích khối chóp, khối nón và khối nón cụt. - Ứng dụng được tích phân để tính được thể tích nói chung và thể tích khối tròn xoay nói riêng.			
27	61		Bài tập					
	62		Ôn tập chương III	Bài tập	- Hệ thống kiến thức chương 3 và các dạng bài cơ bản trong chương. - Củng cố, nâng cao và rèn luyện kỹ năng tính tích phân và ứng dụng tính tích phân để tìm diện tích hình phẳng, thể tích các vật thể tròn xoay. - Giáo dục tính cẩn thận, chặt chẽ, logic.	1	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	Bài 7b, BT TNKQ 6 không yêu cầu làm.
28	63		Kiểm tra giữa kỳ II	Theo thống nhất của nhóm và theo khung ma trận chung	Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS.	1		TNKQ và TL
	64	Chương IV: Số phức (10 tiết)	Bài 1,2,3 Số phức và các phép toán.	I.Số phức. 1. Số i và Định nghĩa số phức 2. Số phức bằng nhau 3. Biểu diễn hình học số phức	1. Kiến thức: - Hiểu được số phức , phần thực phần ảo của nó; hiểu được ý nghĩa hình học của khái niệm môđun, số phức liên hợp, hai số phức bằng nhau. 2. Kỹ năng: Biết biểu diễn số phức trên mặt phẳng tọa độ -Xác định được môđun của số phức , phân biệt được phần thực và phần ảo của số phức. -Biết cách xác định được điều kiện để hai số phức bằng nhau.	6	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	
65	4. Modun của số phức 5. Số phức liên hợp							
29	66			II. Cộng trừ và nhân số phức. 1. Phép cộng và phép trừ.	1. Kiến thức: - HS nắm được quy tắc cộng trừ và nhân số phức. 2. Kỹ năng:- Hs biết thực hiện các phép toán cộng trừ và nhân số phức			

				2. Phép nhân.				
30	67			III. Phép chia số phức. 1. Tổng và tích của hai số phức liên hợp. 2. Phép chia hai số phức	1. Kiến thức: - HS nắm được quy tắc chia hai số phức. 2. Kỹ năng: - HS biết thực hiện các phép chia số phức			
	68			Bài tập.	1. Về kiến thức: Học sinh ôn lại số phức và các phép toán. 2. Kỹ năng: -Biết được phần thực phần ảo , điểm biểu diễn của số phức.			
31	69			Bài tập	- Tìm được modun của số phức, số phức liên hợp. - Tìm tổng, hiệu, tích , thương của hai số phức.			
	70	Bài 4. Phương trình bậc hai với hệ số thực		1. Căn bậc hai của số thực âm. 2. Phương trình bậc hai với hệ số thực	1. Kiến thức:- Giúp HS nắm được: Căn bậc hai của một số thực âm; cách giải phương trình bậc hai với hệ số thực trong mọi trường hợp đối với Δ . 2. Kỹ năng:- HS biết tìm được căn bậc 2 của một số thực âm và giải phương trình bậc hai với hệ số thực trong mọi trường hợp đối với Δ .	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	Mục 2 Bài tập 3,4,5 tự học có hướng dẫn
71			Bài tập					
32	72	Ôn tập chương IV		Nội dung chương IV	- Biết giải các dạng toán đã học - Biết cách sử dụng MTCT thực hiện các phép toán, tính môđun của số phức.	2	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	
	73			Nội dung chương IV				
33	74	Ôn tập cuối năm		Tổng hợp kiến thức lý thuyết cả năm	1. Kiến thức: - Ôn lại kiến thức về hàm số và các vấn đề liên quan đến hàm số. - Nắm chắc bài toán về khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị hàm số. - Ôn lại kiến thức về phương trình - bpt mũ, phương trình logarit. - Giải phương trình trên tập số phức.	4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	II. Bài tập. Bài 14 không yêu cầu làm
	75			Tổng hợp kiến thức lý thuyết cả năm				
76			Tổng hợp kiến thức lý thuyết cả năm					
77			Tổng hợp kiến thức lý thuyết cả năm					

			Tổng hợp kiến thức lý thuyết cả năm	<p>2. Kỹ năng: - Khảo sát và vẽ đồ thị hàm số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng lý thuyết vào bài tập. - Rèn kỹ năng giải phương trình, biến đổi công thức, nhận dạng bài tập. - Vận dụng lý thuyết vào bài tập. 			
	78	Kiểm tra học kì II	Kiểm tra học kì II	<p>Thông qua bài làm của HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS. 	2		TNKQ-TL

HÌNH HỌC

Tuần	Tiết	Chương	Bài/chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt (theo chương trình môn học)	Thời lượng (số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
1	1	Chương I: Khối đa diện (13 tiết)	Bài 1. Khái niệm khối đa diện	1. khối lăng trụ và khối chóp. 2. khái niệm về hình đa diện và khối đa diện	1. Kiến thức: - Biết khái niệm khối lăng trụ, khối chóp, khối chóp cụt, khối đa diện. - Biết khái niệm hai hình đa diện bằng nhau 2. Kỹ năng: - Vẽ thành thạo các khối đa diện đơn giản. - Biết cách phân chia và lắp ghép các khối đa diện đơn giản.	3	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	HD1, 2, Mục III. Tự học có hướng dẫn Bài tập 1, 2 Không yêu cầu HS làm.
	2			3. Hai đa diện bằng nhau 4. Phân chia và lắp ghép khối đa diện				
	3			Luyện tập	1. Kiến thức: - Củng cố khái niệm về: hình đa diện, khối đa diện và hai đa diện bằng nhau. 2. Kỹ năng: - Biết cách nhận dạng một hình là hình đa diện, một hình không phải là hình đa diện. - Vận dụng các phép dời hình trong không gian để phân chia, chứng minh hai hình đa diện bằng nhau.			
4	4		Bài 2. Khối đa diện lồi và khối đa diện đều	I. Khối đa diện lồi II. Khối đa diện đều	1. Kiến thức: - Nắm được định nghĩa khối đa diện lồi. - Hiểu được thế nào là khối đa diện đều. - Nhận biết được các loại khối đa diện đều. 2. Kỹ năng: - Biết phân biệt khối đa diện lồi và không lồi. - Biết được một số khối đa diện đều và chứng minh được một khối đa diện là đa diện đều.	4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	Mục II: Ví dụ. HD1, 3, 4. Tự học có hướng dẫn
5	5		Bài 3. Khái niệm về thể tích khối đa diện	I. Khái niệm về thể tích khối đa diện	1. Kiến thức: - HS hiểu được khái niệm về thể tích khối đa diện. HS nắm được công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp.	5	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân	Bài tập 2, 3, 4 Tự học có hướng dẫn.
6	6	2. Thể tích khối lăng trụ, 3. Thể tích khối chóp		2. Kỹ năng: - Vận dụng công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp vào các bài toán tính thể tích.				
7	7	Luyện tập						

8	8			Luyện tập					
9	9			Luyện tập					
10	10		Ôn tập chương I	Toàn bộ kiến thức của chương I	<p>1. Kiến thức: Cùng cố lại các kiến thức trong chương I:</p> <p>- Khái niệm khối đa diện, khối đa diện lồi, khối đa diện đều và thể tích khối đa diện. Phân chia và lắp ghép khối đa diện. Các công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp.</p> <p>2. Kỹ năng:- Nhận biết được các hình đa diện và khối đa diện. Chứng minh được hai hình đa diện bằng nhau. Phân chia và lắp ghép các khối đa diện. Vận dụng công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp vào các bài toán tính thể tích.</p>				
11	11	Toàn bộ kiến thức của chương I							
12	12	Toàn bộ kiến thức của chương I							
13	13	Chương II: Mặt nón, mặt trụ, mặt cầu (11 tiết)	Bài 1. Khái niệm về mặt tròn xoay	I. Sự tạo thành của mặt tròn xoay II. Mặt nón tròn xoay 1. Định nghĩa 2. Hình nón tròn xoay và khối nón tròn xoay	<p>1. Kiến thức: - Hiểu được sự tạo thành của mặt tròn xoay; các yếu tố của mặt tròn xoay như đường sinh và trục của mặt tròn xoay. Hiểu được mặt nón tròn xoay được tạo thành như thế nào và các yếu tố có liên quan như đỉnh, trục, đường sinh của mặt nón. Hiểu được định nghĩa của mặt trụ tròn xoay, các yếu tố có liên quan như trục, đường sinh của mặt trụ và các tính chất của mặt trụ tròn xoay, Hiểu được các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình nón, khối nón tròn xoay và của hình trụ, khối trụ tròn xoay.</p> <p>2. Kỹ năng: - Phân biệt được các khái niệm: mặt nón tròn xoay, hình nón tròn xoay và khối nón tròn xoay.</p>	5	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.	- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	- Mục II.2; II.3; II.4 Mục III.2; III.3; III.4 Tự học có hướng dẫn.
	14			II. Mặt nón tròn xoay 3. Diện tích xung quanh của hình nón tròn xoay 4. Thể tích khối nón tròn xoay					

14	15		III. Mặt trụ tròn xoay	Phân biệt được các khái niệm: mặt trụ tròn xoay, hình trụ tròn xoay và khối trụ tròn xoay. - Biết tính diện tích xung quanh của hình nón, khối nón tròn xoay và của hình trụ, khối trụ tròn xoay.						
	16		Luyện tập							
15	17		Luyện tập							
	18		I. Mặt cầu và các khái niệm liên quan đến mặt cầu II. Giao của mặt cầu và mặt phẳng	<p>1. Kiến thức :- biết các khái niệm về mặt cầu, mặt phẳng kính, kính tuyến, vĩ tuyến, đường tròn lớn, mặt phẳng tiếp xúc với mặt cầu, tiếp tuyến của mặt cầu.</p> <p>- Biết công thức tính diện tích mặt cầu, thể tích khối cầu.</p> <p>- Khái niệm mặt cầu, tâm mặt cầu, bán kính mặt cầu, đường kính mặt cầu . Giao của mặt cầu và mặt phẳng. Giao của mặt cầu và đường thẳng.</p> <p>2. Kỹ năng: - Nhận biết được vị trí tương đối của mặt cầu và mặt phẳng, đường thẳng đặc biệt là điều kiện tiếp xúc của mặt cầu với mặt phẳng, đường thẳng.</p> <p>- Tính được diện tích mặt cầu, thể tích khối cầu.</p> <p>- Xác định được tâm và bán kính đường tròn giao tuyến của mặt phẳng với mặt cầu.</p> <p>- Xác định được tâm, tính bán kính của mặt cầu ngoại tiếp khối đa diện cho trước.</p>				4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	<i>Mục II, Mục III, Mục IV</i> <i>Tự học có hướng dẫn</i> <i>Bài tập 5, 6, 8, 9</i> <i>Không yêu cầu HS làm</i>
16	19		III. Giao của mặt cầu với đt. Tiếp tuyến của mặt cầu IV. Công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích khối cầu							
	20		Luyện tập							
17	21		Luyện tập							
	22		Kiến thức của chương							
18	23		Kiến thức của chương							
	24		Kiểm tra học kỳ 1	Kiến thức của chương 1, 2 Thông qua bài làm của HS: - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS.				1		Tự luận và trắc nghiệm

					- Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS.			
19	25	Chương III: Phương pháp tọa độ trong không gian (21 tiết)	Bài 1. Hệ tọa độ trong không gian	I. Tọa độ của điểm và của vector II. Biểu thức tọa độ của các phép toán vector	1. Kiến thức: Hiểu được định nghĩa nguyên hàm của hàm số trên K, phân biệt rõ một nguyên hàm với họ nguyên hàm của một hàm số. Biết các tính chất cơ bản của nguyên hàm. Nắm được các phương pháp tính nguyên hàm. - Biết các khái niệm hệ tọa độ trong không gian, tọa độ của điểm, tọa độ của vector, biểu thức của tọa độ của các phép toán vector, khoảng cách giữa các điểm. - Biết một số ứng dụng của tích vector (tích có hướng của hai vector). - Biết phương trình mặt cầu. 2. Kỹ năng: Tìm được nguyên hàm của một số hàm số tương đối đơn giản dựa vào bảng nguyên hàm và các tính chất của nguyên hàm. Sử dụng phương pháp đổi biến số, phương pháp tính nguyên hàm từng phần để tính nguyên hàm. - Tính được tọa độ của tổng, hiệu hai vector, tích của vector với một số tính được tích vô hướng hai vector. - Tính được khoảng cách giữa hai điểm có tọa độ cho trước. - Xác định tọa độ tâm và tìm được độ dài bán kính mặt cầu có phương trình cho trước. - Viết được phương trình mặt cầu.	4	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm	HĐ1: Tự học có hướng dẫn HĐ 2 HS tự làm Mục III. Định lý. Không yêu cầu HS chứng minh.
	26			III. Tích vô hướng IV. Phương trình mặt cầu				
27	Luyện tập							
28	Luyện tập							
20	29	Bài 2. Phương trình mặt phẳng	Bài 2. Phương trình mặt phẳng	I. Vector pháp tuyến của mặt phẳng II. Phương trình tổng quát của mp 1. Định nghĩa	1. Kiến thức:- Khái niệm vector pháp tuyến của mặt phẳng. - Phương trình tổng quát của mặt phẳng, điều kiện để hai mặt phẳng song song, vuông góc, khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng. 2. Kỹ năng:- Biết tìm tọa độ của vector pháp tuyến của mặt phẳng.	5	- Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Thuyết trình	Mục I. Bài toán, Mục II. Bài toán 2, Mục IV. Định lý. Không yêu cầu HS chứng minh
	30			II. Phương trình tổng quát của mặt phẳng 2. Các trường hợp riêng				
21								

				III. Điều kiện để 2 mp song song, vuông góc	- Biết viết phương trình tổng quát của mặt phẳng.		- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.	Mục II.2; Mục III.2 HD7 Tự học có hướng dẫn.
22	31			IV. Khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng	- Biết chứng minh hai mặt phẳng song song, hai mặt phẳng vuông góc.			
	32			Bài tập	- Biết tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng.			
	33			Luyện tập				
	33			Luyện tập				
24	34			I. Phương trình tham số của đường thẳng	1. Kiến thức: Học sinh biết được: - Khái niệm vectơ chỉ phương của đường thẳng trong không gian. .		- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.	Mục I định lý không yêu cầu HS chứng minh
25	35			II. Điều kiện để hai đường thẳng song song, cắt nhau, chéo nhau.	- Phương trình tham số và phương trình chính tắc của đường thẳng trong không gian, vị trí tương đối giữa hai đường thẳng.		- Thuyết trình	HD3, 4, Ví dụ 4.
				1. Điều kiện để hai đường thẳng song song.	2. Kỹ năng:- Biết tìm tọa độ của chỉ phương của đường thẳng trong không gian.			Tự học có hướng dẫn.
				II. Điều kiện để hai đường thẳng song song, cắt nhau, chéo nhau.	- Biết viết phương trình tham số và phương trình chính tắc của đường thẳng trong không gian khi biết được một điểm thuộc đường thẳng và một vectơ chỉ phương của đường thẳng đó.	7	- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	
26	36		Bài 3. Phương trình đường thẳng trong không gian	2. Điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau.	- Xác định được tọa độ một điểm và tọa độ của một vectơ chỉ phương của đường thẳng khi biết phương trình tham số hoặc phương trình chính tắc của đường thẳng đó.			
				Luyện tập	- Biết xác định vị trí tương đối giữa hai đường thẳng trong không gian.			
				Luyện tập				
				Luyện tập				
				Luyện tập				
27	37			Bài tập về phương trình mặt phẳng	1. Kiến thức: Qua bài giảng, củng cố cho học sinh kiến thức:		- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.	Bài tập cần làm (trang 91): Tự luận
28	38				- Tọa độ điểm, vectơ , các toán.		- Thuyết trình	2,3,4,6,8, 11
29	39				- Phương trình mặt cầu , ptmp, ptđt và các bài toán có liên quan		- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm	
30	40				- Hệ thống các kiến thức đã học trong chương			
31	41			Bài tập về phương trình đường thẳng	2. Kỹ năng: - Biết tính tọa độ điểm và vectơ trong không gian	2		
					- Lập được ptmp, ptđt, ptmc			
					- Tính được diện tích, thể tích, khoảng cách			
32	42		Ôn tập chương III	Bài tập về phương trình đường thẳng				

33	43	Ôn tập cuối năm	Tổng hợp kiến thức lý thuyết cả năm	<p>1. Kiến thức:- Khái niệm khối đa diện, khối đa diện lồi, khối đa diện đều và thể tích khối đa diện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân chia và lắp ghép khối đa diện. - Các công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp. <p>2. Kỹ năng:- Nhận biết được các hình đa diện và khối đa diện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được hai hình đa diện bằng nhau. - Phân chia và lắp ghép các khối đa diện. <p>Vận dụng công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp vào các bài toán tính thể tích.</p>	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm 	<p><i>Bài tập 1, 3, 9, 12, 16</i></p> <p><i>Tự học có hướng dẫn</i></p> <p><i>Bài tập 14</i></p> <p><i>HS tự học.</i></p>
34	44		Tổng hợp kiến thức lý thuyết cả năm	<p>1. Về kiến thức: - Toạ độ, biểu thức toạ độ và tích vô hướng của hai vectơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toạ độ của một điểm. - Phương trình mặt cầu. <p>2. Về kỹ năng: Có kỹ năng vận dụng thành thạo các định lý và các hệ quả về toạ độ vectơ, toạ độ điểm và phương trình mặt cầu để giải các dạng toán có liên quan.</p>	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học. - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm 	
35	45	Kiểm tra học kỳ 2	Kiểm tra học kỳ 2	<p>Thông qua bài làm của HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng nắm kiến thức của từng HS. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức của từng HS. - Rèn luyện ý thức tự giác trong học tập của từng HS. 	45	Tự luận và trắc nghiệm	

TỰ CHỌN

<i>Tuần</i>	<i>Tiết</i>	<i>Môn</i>	<i>Bài dạy</i>	<i>Nội dung</i>	Kiến thức, Kỹ năng	Hình thức tổ chức dạy học
1	1	Đại	Sự đồng biến, nghịch biến của hàm số,	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Biết tính đơn điệu của hàm số.</p> <p>- Biết mối liên hệ giữa tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số và dấu đạo hàm cấp một của nó.</p> <p>2. Kỹ năng:- Biết cách xét tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số trên một khoảng dựa vào dấu đạo hàm cấp một của nó.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học.</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
2	2	Giải tích	Cực trị của hàm số.	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Biết các khái niệm điểm cực đại, điểm cực tiểu, điểm cực trị của hàm số.</p> <p>- Biết các điều kiện đủ để có điểm cực trị của hàm số.</p> <p>2. Kỹ năng: - Mọi học sinh đều thành thạo các bước tìm cực trị</p> <p>- Phải bảo đảm mọi học sinh thực hiện tốt các bài toán liên quan đến khảo sát hàm số</p> <p>- Viết báo cáo và trình bày trước đám đông</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
3	3	Giải tích	Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm số.	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Biết các khái niệm GTLN, GTNN của hàm số trên một tập hợp số.</p> <p>- Biết cách tính GTLN, GTNN của hàm số trên một đoạn.</p> <p>2. Kỹ năng:- Biết cách tìm GTLN, GTNN của hàm số trên một đoạn, khoảng.</p> <p>- Phải bảo đảm mọi học sinh thực hiện tốt các bài toán liên quan đến khảo sát hàm số</p> <p>- Viết báo cáo và trình bày trước đám đông</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
4	4	Giải tích	Đường tiệm cận.	Bài tập	<p>1. Kiến thức- Nắm vững định nghĩa tiệm cận đứng, tiệm cận ngang của đồ thị hàm số.</p> <p>- Nắm được cách tìm các đường tiệm cận đứng, tiệm cận ngang của đồ thị hàm số.</p> <p>2. Kỹ năng - Thực hiện thành thạo việc tìm các đường tiệm cận của đồ thị hàm số.</p> <p>- Nhận thức được hàm phân thức hữu tỉ (không suy biến) có những đường</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
5	5	Giải tích	Khảo sát và vẽ đồ thị hàm số.	Bài tập	<p>1. Kiến thức : - Hs nắm được ý nghĩa của việc vẽ đồ thị hàm số trong cuộc sống, nắm được sơ đồ khảo sát hàm số.</p> <p>- Vận dụng để khảo sát và vẽ đồ thị các hàm số bậc ba, hàm trùng phương, hàm phân thức bậc nhất trên bậc nhất.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân</p>

					<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng được đồ thị các hàm: hàm số bậc ba, hàm trùng phương, hàm phân thức bậc nhất trên bậc nhất. Nắm được đặc điểm các hàm số với từng dạng đồ thị. 2. Kỹ năng.- Khảo sát và vẽ được đồ thị các hàm số: hàm số bậc ba, hàm trùng phương, hàm phân thức bậc nhất trên bậc nhất. - Đọc được các tính chất của hàm số từ đồ thị hàm số. - Hình thành kỹ năng giải quyết các bài toán liên quan đến khảo sát và vẽ đồ thị hàm số 	<ul style="list-style-type: none"> kết hợp với hoạt động nhóm.
6	6	Giải tích	Khảo sát và vẽ đồ thị hàm số.	Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> 1. Kiến thức : - HS nắm được ý nghĩa của việc vẽ đồ thị hàm số trong cuộc sống, nắm được sơ đồ khảo sát hàm số. - Vận dụng để khảo sát và vẽ đồ thị các hàm số bậc ba, hàm trùng phương, hàm phân thức bậc nhất trên bậc nhất. - Nhận dạng được đồ thị các hàm: hàm số bậc ba, hàm trùng phương, hàm phân thức bậc nhất trên bậc nhất. Nắm được đặc điểm các hàm số với từng dạng đồ thị. 2. Kỹ năng.- Khảo sát và vẽ được đồ thị các hàm số: hàm số bậc ba, hàm trùng phương, hàm phân thức bậc nhất trên bậc nhất. - Đọc được các tính chất của hàm số từ đồ thị hàm số. - Hình thành kỹ năng giải quyết các bài toán liên quan đến khảo sát và vẽ đồ thị hàm số 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.
7	7	Giải tích	Khảo sát và vẽ đồ thị hàm số.	Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> 1. Kiến thức : - HS nắm được ý nghĩa của việc vẽ đồ thị hàm số trong cuộc sống, nắm được sơ đồ khảo sát hàm số. - Vận dụng để khảo sát và vẽ đồ thị các hàm số bậc ba, hàm trùng phương, hàm phân thức bậc nhất trên bậc nhất. - Nhận dạng được đồ thị các hàm: hàm số bậc ba, hàm trùng phương, hàm phân thức bậc nhất trên bậc nhất. Nắm được đặc điểm các hàm số với từng dạng đồ thị. 2. Kỹ năng.- Khảo sát và vẽ được đồ thị các hàm số: hàm số bậc ba, hàm trùng phương, hàm phân thức bậc nhất trên bậc nhất. - Đọc được các tính chất của hàm số từ đồ thị hàm số. - Hình thành kỹ năng giải quyết các bài toán liên quan đến khảo sát và vẽ đồ thị hàm số 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.
8	8	Hình	Thể tích khối đa diện.	Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> 1. Kiến thức: - HS hiểu được khái niệm về thể tích khối đa diện. HS nắm được công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp. 2. Kỹ năng: - Vận dụng công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp vào các bài toán tính thể tích. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.

9	9	Giải tích	<i>Lũy thừa, mũ và lôga rít</i>	Bài tập	<p>1. Kiến thức : - Nắm được các khái niệm và tính chất của lũy thừa với số mũ nguyên, lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực.</p> <p>- Nắm được khái niệm và tính chất của căn bậc n.</p> <p>2. Kỹ năng: - Biết dùng các tính chất của lũy thừa để rút gọn biểu thức, so sánh những biểu thức có chứa lũy thừa.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
10	10	Hình	<i>Thể tích khối đa diện</i>	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- HS hiểu được khái niệm về thể tích khối đa diện. HS nắm được công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp.</p> <p>2. Kỹ năng:- Vận dụng công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp vào các bài toán tính thể tích.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
11	11	Hình	<i>Thể tích khối đa diện</i>	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- HS hiểu được khái niệm về thể tích khối đa diện. HS nắm được công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp.</p> <p>2. Kỹ năng:- Vận dụng công thức tính thể tích của khối hộp chữ nhật, khối lăng trụ, khối chóp vào các bài toán tính thể tích.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
12	12	Giải tích	<i>Các dạng toán về lũy thừa, mũ và lôga rít</i>	Bài tập	<p>1. Kiến thức : - Nắm được khái niệm và tính chất của hàm số lũy thừa</p> <p>+ Nắm được dạng đồ thị của hàm mũ và hàm lôgarit.</p> <p>+ Biết được cách giải một số dạng phương trình mũ và phương trình lôgarit.</p> <p>+ Biết được cách giải một số dạng bất phương trình mũ và bất phương trình lôgarit.</p> <p>2. Kỹ năng: + Biết dùng các tính chất của lũy thừa để rút gọn biểu thức, so sánh những biểu thức có chứa lũy thừa.</p> <p>+ Biết vận dụng định nghĩa để tính một số biểu thức chứa lôgarit đơn giản.</p> <p>+ Biết vận dụng các tính chất của lôgarit vào các bài toán biến đổi, tính toán các biểu thức chứa lôgarit.</p> <p>+ Giải được một số bất phương trình mũ và bất phương trình lôgarit đơn giản bằng các phương pháp đưa về cùng cơ số, lôgarit hoá, mũ hoá, đặt ẩn phụ, tính chất của hàm số.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>

13	13	Giải tích	Phương trình mũ, phương trình logarit.	Bài tập	<p>1. Kiến thức.- Các cách giải các dạng phương trình mũ và logarit cơ bản.</p> <p>- Hiểu rõ các phương pháp thường dùng để giải phương trình mũ và phương trình logarit.</p> <p>2. Kỹ năng. Giúp học sinh</p> <p>- Vận dụng thành thạo các phương pháp giải PT mũ và PT logarit vào bài tập.</p> <p>- Biết sử dụng các phép biến đổi đơn giản về lũy thừa và logarit vào giải PT.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm</p>
14	14	Giải tích	Phương trình mũ, phương trình logarit	Bài tập	<p>1. Kiến thức.- Các cách giải các dạng phương trình mũ và logarit cơ bản.</p> <p>- Hiểu rõ các phương pháp thường dùng để giải phương trình mũ và phương trình logarit.</p> <p>2. Kỹ năng. Giúp học sinh</p> <p>- Vận dụng thành thạo các phương pháp giải PT mũ và PT logarit vào bài tập.</p> <p>- Biết sử dụng các phép biến đổi đơn giản về lũy thừa và logarit vào giải PT.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
15	15	Giải tích	Bất phương trình mũ, phương trình logarit	Bài tập	<p>1. Kiến thức: -Học sinh nắm được cách giải một vài dạng bất phương trình mũ và lôgarit</p> <p>2.Kỹ năng : - Hs vận dụng thành thạo các công thức đơn giản về mũ và lôgarit để giải bất phương trình.</p> <p>- Biết đặt ẩn phụ , dùng các công thức biến đổi đưa các bất phương trình về các dạng đã biết cách giải</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
16	16	Giải tích	Bất phương trình mũ, phương trình	Bài tập	<p>1. Kiến thức: -Học sinh nắm được cách giải một vài dạng bất phương trình mũ và lôgarit</p> <p>2.Kỹ năng : - Hs vận dụng thành thạo các công thức đơn giản về mũ và lôgarit để giải bất phương trình.</p> <p>- Biết đặt ẩn phụ , dùng các công thức biến đổi đưa các bất phương trình về các dạng đã biết cách giải</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
17	17	Hình	Thể tích khối trụ, khối nón, khối cầu.	Bài tập	<p>1. Kiến thức - Biết khái niệm về mặt tròn xoay.</p> <p>- Biết khái niệm mặt nón và công thức tính diện tích xung quanh hình nón tròn xoay, thể tích khối nón.</p> <p>- Biết khái niệm mặt trụ, khối trụ và công thức tính diện tích xung quanh hình trụ, thể tích khối trụ.</p> <p>2. Kỹ năng - Tính được diện tích xung quanh của hình trụ, hình nón và thể tích khối trụ, khối nón.</p> <p>- Phân chia mặt trụ và mặt nón bằng mặt phẳng.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
18	18	Đại + hình	Ôn tập học kì I.	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Hs phải nắm kĩ các kiến thức về mặt tròn xoay, mặt trụ tròn xoay, định nghĩa mặt cầu, sự tương giao của mặt cầu với mặt phẳng, đường thẳng và công thức diện tích mặt cầu, thể tích khối cầu.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p>

					<p>2. Kỹ năng: - Biết cách tính diện tích và thể tích của mặt nón tròn xoay, mặt trụ tròn xoay.</p> <p>- Xác định giao của mặt cầu và mặt phẳng, giao của mặt cầu và đường thẳng.</p> <p>- Biết cách tính diện tích mặt cầu và thể tích của khối cầu.</p>	<p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
19	19	Hình	Hệ tọa độ trong không gian	Bài tập	<p>1. Kiến thức : - Tọa độ, biểu thức tọa độ và tích vô hướng của hai vectơ.</p> <p>-Tọa độ của một điểm, phương trình mặt cầu.</p> <p>2.Kỹ năng: - Có kỹ năng vận dụng thành thạo các định lý và các hệ quả về tọa độ vectơ, tọa độ điểm và phương trình mặt cầu để giải các dạng toán có liên quan.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
20	20	Giải tích	Nguyên hàm	Bài tập	<p>1. Kiến thức : - Hiểu được phương pháp đổi biến số và lấy nguyên hàm từng phần</p> <p>2. Kỹ năng: - Giúp học sinh vận dụng được 2 phương pháp tìm nguyên hàm của một số hàm số không quá phức tạp.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
21	21	hình	Phương trình mặt phẳng	Bài tập	<p>1. Kiến thức: củng cố kiến thức về phương trình mặt phẳng, điều kiện để 2 mặt phẳng song song, vuông góc.</p> <p>2. Kỹ năng: Kỹ năng lập phương trình mặt phẳng khi biết các yếu tố xác định nó</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
22	22	Giải tích	Các phương pháp tìm nguyên hàm	Bài tập	<p>1. Kiến thức : - Hiểu được phương pháp đổi biến số và lấy nguyên hàm từng phần .</p> <p>2. Kỹ năng: - Giúp học sinh vận dụng được 2 phương pháp tìm nguyên hàm của một số hàm số không quá phức tạp.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
23	23	Hình	Phương trình mặt phẳng	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Qua bài giảng học sinh cần đạt nắm được:</p> <p>- Khái niệm vector pháp tuyến của mặt phẳng.</p> <p>- Phương trình tổng quát của mặt phẳng, điều kiện để hai mặt phẳng song song, vuông góc, khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng.</p> <p>2. :</p> <p>- Biết tìm tọa độ của vectơ pháp tuyến của mặt phẳng.</p> <p>- Biết viết phương trình tổng quát của mặt phẳng.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>

					<ul style="list-style-type: none"> - Biết chứng minh hai mặt phẳng song song, hai mặt phẳng vuông góc. - Biết tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng. 	
24	24	Giải tích	Tích phân	Bài tập	<p>1. Kiến thức:- Giúp học sinh vận dụng kiến thức lí thuyết về phương pháp tích phân vào việc giải bài tập .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được dạng và cách giải . <p>2. Kỹ năng :- Rèn luyện kĩ năng vận dụng công thức vào thực tế giải bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kĩ năng nhận dạng bài toán một cách linh hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.
25	25	Giải tích	ứng dụng tích phân để tính diện tích hình phẳng	Bài tập	<p>Kiến thức : Hiểu các công thức tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi các đồ thị hàm số và hai đường thẳng vuông góc với trục hoành.</p> <p>Kỹ năng : Ghi nhớ vận dụng được các công thức trong bài vào việc giải các bài toán cụ thể.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.
26	26	Giải tích	ứng dụng tích phân để tính diện tích hình phẳng	Bài tập	<p>Kiến thức : Hiểu các công thức tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi các đồ thị hàm số và hai đường thẳng vuông góc với trục hoành.</p> <p>Kỹ năng : Ghi nhớ vận dụng được các công thức trong bài vào việc giải các bài toán cụ thể.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.
27	27	Giải tích	Ôn tập chương 3	Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kiến thức chương 3 và các dạng bài cơ bản trong chương. - Củng cố, nâng cao và rèn luyện kỹ năng tính tích phân và ứng dụng tính tích phân để tìm diện tích hình phẳng, thể tích các vật thể tròn xoay. - Giáo dục tính cẩn thận, chặt chẽ, logic. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.
28	28	Hình	Phương trình đường thẳng	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Nhằm giúp học sinh nắm vững các cách viết phương trình đường thẳng và điều kiện để viết đường thẳng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đk để 2 đt song song, cắt nhau, chéo nhau <p>2. Kỹ năng: Thông qua bài giảng rèn luyện cho học sinh kĩ năng phân tích. Rèn luyện kỹ năng nhớ, tính toán, tính nhẩm, phát triển tư duy lô gíc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động học tại lớp học - Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.

29	29		Phương trình đường thẳng	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Nhằm giúp học sinh nắm vững các cách viết ph-ong trình đ-ờng thẳng và điều kiện để viết đ-ọc ptđt Tìm đk để 2 đt song song, cắt nhau, chéo nhau</p> <p>2. Kỹ năng: Thông qua bài giảng rèn luyện cho học sinh kỹ năng phân tích. Rèn luyện kỹ năng nhớ, tính toán, tính nhẩm, phát triển t- duy lô gíc</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
30	30	Giải tích	Số phức	Bài tập	<p>1. Kiến thức: -Hiểu được khái niệm số phức, phân biệt phần thực phần ảo của số phức. - Hiểu ý nghĩa hình học của khái niệm mô đun và số phức liên hợp.</p> <p>2. Kỹ năng: -Biết xác định phần thực phần ảo của một số phức cho trước và viết được số phức khi biết được phần và thực phần ảo. -Biết sử dụng quan hệ bằng nhau giữa hai số phức để tìm điều kiện cho hai số phức bằng nhau. -Biết biểu diễn tập hợp các số phức thỏa điều kiện cho trước trên mặt phẳng tọa độ. -Xác định mô đun , số phức liên hợp của một số phức.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
31	31	Giải tích	Ôn tập chương 4	Bài tập	<p>1. Kiến thức: - Nắm được định nghĩa và biểu diễn hình học số phức, phần thực, phần ảo, môđun của số phức, số phức liên hợp. - Nắm vững được các phép toán: Cộng , trừ, nhân, chia số phức dạng đại số của số phức - Tính chất của phép cộng, nhân số phức. - Nắm vững cách khai căn bậc hai của số phức, giải phương trình bậc hai với số phức.</p> <p>2. Kỹ năng: - Tính toán thành thạo các phép toán. - Biểu diễn được số phức lên mặt phẳng tọa độ . - Giải phương trình bậc II với số phức.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
32	32	Hình	Ôn tập phương trình đường thẳng và mặt phẳng	Bài tập	<p>1. Kiến thức: Nhằm giúp học sinh nắm vững các cách viết ph-ong trình đ-ờng thẳng, mp và điều kiện để viết đ-ọc pt của chúng Tìm đk để 2 đt song song, cắt nhau, chéo nhau, vị trí t-ong đối của đt và mp</p> <p>2. Kỹ năng: Thông qua bài giảng rèn luyện cho học sinh kỹ năng phân tích. Rèn luyện kỹ năng nhớ, tính toán, tính nhẩm, phát triển t- duy lô gíc</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>

33	33	Hình	Ôn tập hệ tọa độ trong không gian	Bài tập	<p>1. Kiến thức: + Tọa độ, biểu thức tọa độ và tích vô hướng của hai vectơ. + Tọa độ của một điểm. + Phương trình mặt cầu.</p> <p>2. Kỹ năng: + Có kỹ năng vận dụng thành thạo các định lý và các hệ quả về tọa độ vectơ, tọa độ điểm và phương trình mặt cầu để giải các dạng toán có liên quan.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
34	34	Giải tích	Ôn tập ứng dụng tích phân để tính diện tích hình phẳng	Bài tập	<p>1. Kiến thức : Hiểu các công thức tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi các đồ thị hàm số và hai đường thẳng vuông góc với trục hoành.</p> <p>2. Kỹ năng : Ghi nhớ vận dụng được các công thức trong bài vào việc giải các bài toán cụ thể.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>
35	35	Giải tích	Ôn tập ứng dụng tích phân để tính diện tích hình phẳng	Bài tập	<p>1. Kiến thức : Hiểu các công thức tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi các đồ thị hàm số và hai đường thẳng vuông góc với trục hoành.</p> <p>2. Kỹ năng : Ghi nhớ vận dụng được các công thức trong bài vào việc giải các bài toán cụ thể.</p>	<p>- Tổ chức hoạt động học tại lớp học</p> <p>- Cho học sinh hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm.</p>

Nhóm trưởng	Tổ trưởng chuyên môn	Thủ trưởng đơn vị
Tổng Văn Nghĩa	Nguyễn Văn Trường	



SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG



KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC
BỘ MÔN: TOÁN THPT
Năm học: 2021 – 2022

Sơn Hà, tháng 9 năm 2021

